VINA ELECTRIC CORP









COMPANY CATALOGUE

VINA ELECTRIC CORPORATION

VINA ELECTRIC CORPORATION

0328961299
Contact@vina-electric.com.vn
https//vina-electric.com.vn/
Trụ sở: số nhà 33, Lô N16B, Khu Tái định cư X2A, phường Yên Sở, TP. Hà Nội
Nhà Máy: lô VII.9, Khu Công nghiệp Thuận Thành 3, phường Tri Quả, tỉnh Bắc Ninh

XÀ ĐỠ CÁCH ĐIỆN POLYMER

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

THƯ NGỎ



KHÁT VỌNG VƯƠN MÌNH - KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

Kính gửi: Quý Khách hàng và Quý Đối tác,

Thay mặt Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Vina Electric, tôi xin gửi đến Quý vị lời chào trân trọng và lời tri ân chân thành vì sự tin tưởng, đồng hành trong suốt thời gian qua.

Được thành lập từ năm 2009, trải qua hơn 17 năm hình thành và phát triển, Vina Electric đã không ngừng đầu tư công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất, từng bước khẳng định vị thế là nhà sản xuất thiết bị điện công nghiệp uy tín hàng đầu Việt Nam. Với tinh thần "Nói không với sản phẩm lỗi" và triết lý "Best Product & Best Service", mỗi sản phẩm mang thương hiệu Vina Electric đều là kết tinh của trí tuệ Việt, công nghệ sản xuất tiên tiến và quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt – đạt tiêu chuẩn quốc tế IEC, TCVN, ANSI, được kiểm định bởi các tổ chức thử nghiệm độc lập uy tín trong và ngoài nước.

Đến nay, sản phẩm của Vina Electric đã hiện diện trên khắp các công trình lưới điện phân phối từ 0,6kV đến 40,5kV trên cả nước, từng bước vươn ra các thị trường trong khu vực.

Sự đồng hành và tin tưởng của Quý khách hàng chính là động lực lớn nhất để chúng tôi không ngừng đổi mới và phát triển. Vina Electric cam kết tiếp tục là đối tác tin cậy, mang đến những sản phẩm thiết bị điện chất lượng cao, an toàn và hiệu quả – góp phần xây dựng hệ thống điện Việt Nam ngày càng vững mạnh.

CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0103831408-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VINA ELECTRIC
Q.HOÀNG MAI - T.P HÀ NỘI

Bùi Văn Tuấn

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.



NHÀ MÁY VINA ELECTRIC







CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG



















Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CHỐNG SÉT VAN CLASS 1

MÔ TẢ CHUNG

Chống sét van Class 1 của Vina Electric ứng dụng công nghệ oxit kim loại (MOV) không khe hở cao cấp. Thiết bị có khả năng đáp ứng tức thời để triệt tiêu các xung quá điện áp đột biến, giúp bảo vệ an toàn cho hệ thống lưới điện trung thế.



ỨNG DỤNG

Sản phẩm được thiết kế chuyên dụng để bảo vệ cục bộ cho từng thiết bị riêng lẻ trên lưới điện trung thế, bao gồm:

- Đầu vào/ra của máy biến áp.
- Tủ điện trung thế và tủ RMU.
- Các điểm nối tiếp giáp giữa tuyến cáp ngầm và đường dây tải điện trên không.
- Các vị trí xung yếu trong trạm biến áp trung thế.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Tần số: Hoạt động trên lưới điện xoay chiều (thông số thử nghiệm tiêu chuẩn thường là 50/60Hz).

ĐIỂM NỔI BẬT:

CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI:
Sử dụng công nghệ MOV không khe hở giúp triệt tiêu nhanh quá điện áp,.

ĐỘ BỀN CAO:
Cấu trúc đĩa MOV xếp chồng ổn định; vỏ polymer chống tia UV, chịu được thời tiết khắc nghiệt và môi trường ô nhiễm,.

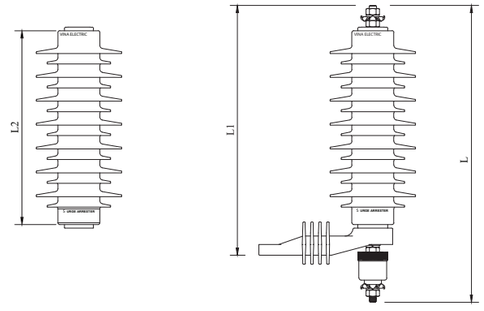
AN TOÀN & THÔNG MINH:
Có cơ cấu cách ly tại cực nối đất, tự động cảnh báo khi thiết bị hỏng hóc,.

THIẾT KẾ TỐI ƯU:
Nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ, dễ dàng vận chuyển và lắp đặt,.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số	SA 9	SA 12	SA 15	SA 18	SA 21	SA 24	SA 42	SA 45	SA 48
Điện áp định mức Ur (kV)	9	12	15	18	21	24	42	45	48
Điện áp làm việc liên tục Uc (kV)	7.65	10.2	12.7	15.3	17.0	19.5	34.0	36.5	39.0
Điện áp dư dòng tăng cao 10kA (kV)	32.6	42.6	53.2	64.8	67.8	79.1	141	152	163
Điện áp dư xung sét 8/20 - 3kA	26.3	34.4	43.0	51.6	54.7	63.9	114	123	132
Điện áp dư xung sét 8/20 - 5kA	27.5	35.9	41.0	44.9	57.2	59.8	119	128	114.7
Điện áp dư xung sét 8/20 - 10kA	30.0	39.2	46.3	48.9	62.4	65.2	121	129	123.5
Điện áp dư xung sét 8/20 - 20kA	33.2	43.3	51.2	54.1	69.0	72.0	123	131	137
Dòng điện phóng đỉnh (kApeak)	100	100	100	100	100	100	100	100	100

THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC

Điện áp (kV)	L(mm)	L1(mm)	L2(mm)	L3(mm)
12	290	233	161	468
15	320	265	210	470
18	354	299	235	759
21	372	320	254	798

Điện áp (kV)	L(mm)	L1(mm)	L2(mm)	L3(mm)
24	387	332	268	800
42	478	412	348	1090
45	511	445	381	1165
48	544	478	414	1238

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Tiêu chuẩn áp dụng: **Sản xuất và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn IEC 60099-4 và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015,.**

Chứng nhận KEMA: **Có chứng nhận thử nghiệm điển hình (Type Test Certificate) từ phòng thí nghiệm KEMA (Hà Lan) cho khả năng chịu ngắn mạch (short-circuit performance) đối với loại chống sét van Type SA 48.**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CHỐNG SÉT VAN CLASS 3

MÔ TẢ CHUNG

Chống sét van Class 3 được thiết kế và sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế IEC 60099-4:2014. Thiết bị đóng vai trò là "lá chắn" bảo vệ hệ thống lưới điện trung thế khỏi nguy cơ hư hỏng do các xung quá điện áp đột ngột, đảm bảo vận hành an toàn và ổn định liên tục trong môi trường điện áp khắc nghiệt.



ỨNG DỤNG

Sản phẩm được ứng dụng rộng rãi tại các vị trí xung yếu trên hệ thống lưới điện trung thế nhằm bảo vệ an toàn cho toàn bộ thiết bị phía sau điểm lắp đặt:

- Trạm biến áp trung thế và tủ điện trung thế.
- Các điểm đầu cáp, điểm đấu nối mở rộng.
- Các tuyến dây truyền tải và phân phối điện trung thế ngoài trời.

ĐIỂM NỔI BẬT:

CẤU TẠO LÕI:

Sử dụng các đĩa điện trở phi tuyến oxit kim loại (MOV) chất lượng cao xếp nối tiếp, giúp phân phối điện áp đồng đều và chống sét hiệu quả. Lõi MOV được gia cố bằng nhiều lớp sợi thủy tinh tẩm epoxy để tăng độ bền cơ học và chịu lực va đập.

VỎ CÁCH ĐIỆN:

Lớp vỏ Polymer có khả năng chịu nhiệt, chống lão hóa, kháng tia UV, vận hành bền bỉ trong điều kiện khắc nghiệt.

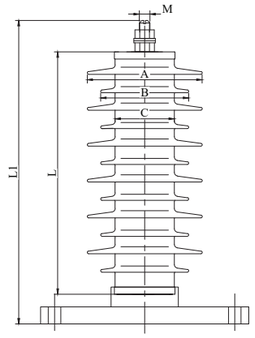
TÍNH NĂNG AN TOÀN:

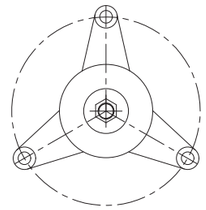
Tích hợp bộ phận cách ly tự động ngắt mạch tại cực nối đất khi có sự cố nội bộ, giúp dễ dàng phát hiện và thay thế.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT





THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số	ĐVT	9 Class3	15 Class3	18 Class3	24 Class3	48 Class3	96 Class3
Điện áp hoạt động liên tục Uc	kV	7.65	12	14.4	19.2	38.4	72
Điện áp định mức Ur	kV	9	15	18	24	48	96
Điện áp dư Ures	kV	≤27	≤42	≤48	≤63	≤128	≤250
Khoảng cách đường rò	mm	330	500	580	750	1490	3980
Dòng điện xả danh định In	kA	10	10	10	10	10	10
Dòng điện xung cao	kA	100	100	100	100	100	100

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

SỨ ĐỨNG CÁCH ĐIỆN POLYMER

MÔ TẢ CHUNG

Sứ cách điện đứng Polymer là dòng sản phẩm cao cấp được sản xuất trên dây chuyền công nghệ ép phun tự động tiên tiến Với thiết kế tối ưu, sản phẩm tương thích hoàn hảo cho các dòng dây dẫn có tiết diện phổ biến từ 30 -240mm2 đảm bảo hiệu suất vận hành cao và độ tin cậy tuyệt đối cho hệ thống điện.



ỨNG DỤNG

- Cách điện an toàn giữa đường dây dẫn điện với các bộ phận không mang điện như xà, cột.
- Lắp đặt ngoài trời trên đường dây trên không và trạm biến áp có điện áp làm việc lên đến 40.5kV
- Vận hành bền bỉ dưới điều kiện khí hậu khắc nghiệt

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Tần số định mức: 50/60 Hz,,.

ĐIỂM NỔI BẬT:

ĐỘ BỀN CAO:
Chống va đập tốt, không giòn vỡ như sứ gốm,.

KHÁNG MÔI TRƯỜNG:
Có đặc tính kháng nước (hydrophobic), chống rạn nứt, chống ăn mòn, chống lão hóa, kháng tia tử ngoại (UV) và nấm mốc. Rất phù hợp với khí hậu nhiệt đới ẩm, vùng biển sương muối hoặc nơi ô nhiễm công nghiệp,,.

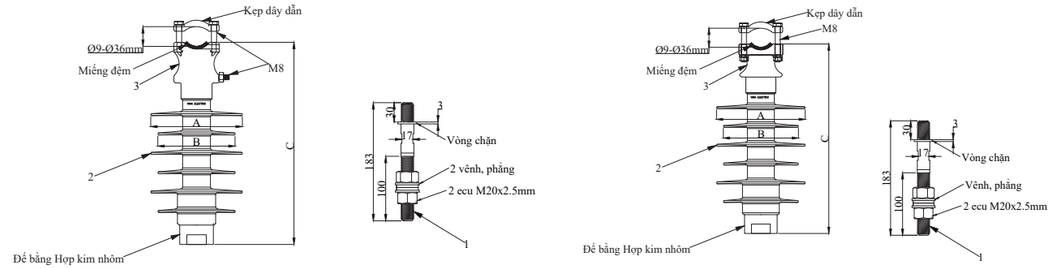
HIỆU QUẢ KINH TẾ:
Trọng lượng nhẹ giúp dễ dàng vận chuyển, thi công, lắp đặt, từ đó giảm chi phí đóng gói, lưu kho và nhân công,.

VẬN HÀNH:
Có khả năng tự làm sạch bề mặt, ngăn dòng rò hiệu quả hơn so với gốm truyền thống,.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Nhôm nhôm

STT	Loại	Điện áp định mức kV	Chiều dài đường rò mm	Lực phá hủy (kN)	Số tấn	Kích thước(mm) dung sai ±3%		
						A	B	C
1	PP-24KV	24	≥25	13	6	142	120	312
2	PP-24KV	24	≥31	13	7	142	120	336
3	PP-40.5KV	40.5	≥25	16	10	142	120	414
4	PP-40.5KV	40.5	≥31	16	12	142	120	440

Nhôm nhựa

STT	Loại	Điện áp định mức kV	Chiều dài đường rò mm	Lực phá hủy (kN)	Số tấn	Kích thước(mm) dung sai ±3%		
						A		C
1	PP-24KV	24	≥25	13	6	142	120	350
2	PP-24KV	24	≥31	13	7	142	120	330
3	PP-40.5KV	40.5	≥25	16	10	142	120	405
4	PP-40.5KV	40.5	≥31	16	12	142	120	430

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số	ĐVT	PP 12	PP 24	PP 40.5
Điện áp định mức	kV	12	24	40.5
Tần số định mức	Hz	50/60	50/60	50/60
Điện áp chịu đựng xung sét	kV	130	150	200
Khả năng chịu điện áp tần số 50/60Hz (1 phút)	kV	75	85	110
Khả năng chịu điện áp tần số 50/60Hz (15 giây)	kV	40	65	85
Điện áp đánh thủng	kV	120	160	200

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm được thiết kế và sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn: **TCVN, IEC, ANSI,.**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

SỨ ĐỨNG CÁCH ĐIỆN GỐM, LINE POST 24, 36kV

MÔ TẢ CHUNG

- Cách điện đỡ là loại Line Post không có ty ngầm trong lòng cách điện
- Mỗi quả sứ cách điện phải được cung cấp đầy đủ phụ kiện đi kèm như ty sứ, 02 đai ốc, 01 vòng đệm vênh, 01 vòng đệm phẳng
- Ty sứ là loại có thể tháo rời và được thiết kế phù hợp để lắp đặt trên cánh xà thép hình, lắp trên cột bê tông ly tâm hoặc cột sắt



ỨNG DỤNG

Sứ đứng cách điện Gốm (Line Post) này sử dụng trên đường dây trên không từ 12kV đến 40.5kV

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Tần số: Tần số định mức: 50 Hz

ĐIỂM NỔI BẬT:

CHẤT LƯỢNG BỀ MẶT

Sứ tráng men cao cấp, bề mặt nhẵn bóng giúp chống bám bẩn, chống rạn nứt và chịu được thời tiết khắc nghiệt

THIẾT KẾ ƯU VIỆT

Cấu trúc không ty ngầm, dễ dàng lắp đặt, thay thế và tháo rời,

ĐỘ BỀN

Khả năng chịu lực uốn và cách điện cao, hoạt động ổn định lâu dài

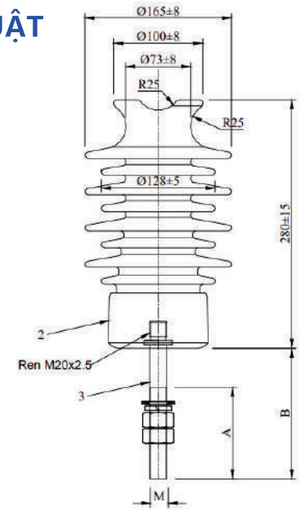
TÍNH LINH HOẠT

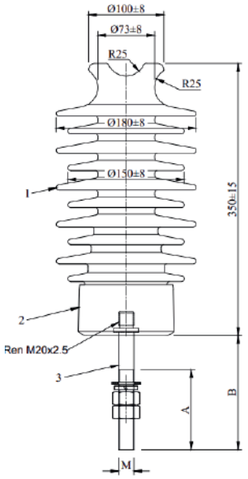
Phù hợp với nhiều kiểu xà, cột và thiết kế giáp buộc dây

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT





THÔNG SỐ KĨ THUẬT

Thông số	ĐVT	LP24	LP36
Điện áp định mức	kV	22	35
Điện áp làm việc cực đại	kV	24	38,5
Chiều dài đường rò	mm	600	965
Điện áp chịu đựng tần số 50Hz/1 phút ở trạng thái ướt	kV	65	85
Điện áp chịu đựng tần số 50Hz/1 phút ở trạng thái khô	kV	85	110
Điện áp chịu xung sét 1.2/50μs	kVpeak	150	200

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

- Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 7998-1, IEC 60383-1 và TCVN 4759-1993,..
- Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001:2015





Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

SỨ CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER TRUNG THẾ

MÔ TẢ CHUNG

Sứ chuỗi cách điện Polymer trung thế được sản xuất trên dây chuyền ép phun tự động hiện đại. Sản phẩm đóng vai trò là giải pháp cách điện và chịu lực liên kết chính, được sử dụng để ghép tạo thành các chuỗi đỡ đơn, đỡ kép hoặc đỡ lèo trên hệ thống đường dây truyền tải và trạm biến áp trung thế.



ỨNG DỤNG

- Sứ chuỗi cách điện Polymer được sử dụng cho đường dây trên không và các trạm biến áp từ 12kV lên đến 220kV
- Dùng cho dây có tiết diện từ 30-300mm2

ĐIỂM NỔI BẬT:

HIỆU SUẤT VẬN HÀNH:
Cách điện hiệu quả giữa dây dẫn và cấu kiện không mang điện (xà, cột). Có khả năng tự làm sạch bề mặt, hạn chế bám bẩn, chống rạn nứt và kháng nấm mốc,.

ĐỘ BỀN:
Chịu va đập tốt, chống tia cực tím (UV), chống bào mòn, rất khó cháy.

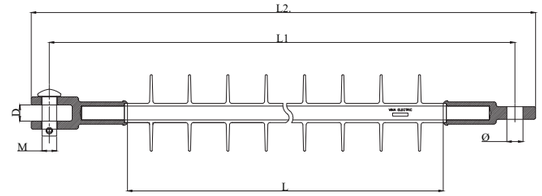
KINH TẾ & THI CÔNG:
Trọng lượng nhẹ, gọn, giúp dễ dàng vận chuyển và thi công trên cao. Giảm chi phí đóng gói, lưu kho và lắp đặt so với sứ gốm,.

PHẠM VI ỨNG DỤNG:
thích hợp lắp đặt tại các khu vực có điều kiện khí hậu và môi trường vận hành khắc nghiệt: vùng nhiệt đới, vùng biển, ô nhiễm

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Mã hiệu	L	L1	L2	D	D1
12kV - 100kN	165	345	385	16	20
12kV - 120kN	165	395	435	18	21
24kV - 100kN	245	416	456	16	20
24kV - 120kN	245	482	528	18	21
33kV - 100kN	325	500	540	16	20
33kV - 120kN	325	555	595	16	21
40.5kV - 100kN	365	540	586	18	20
40.5kV - 120kN	365	602	648	18	21

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Các thông số kỹ thuật	ĐVT	DN 15ED	DN 15SD	DN 24ED	DN 24SD	DN 36SD	DN 36SD
Điện áp định mức	kV	15	15	24	24	40.5	40.5
Số lượng tán		4	4	6	6	9	9
Đường kính tán	mm	100	100	100	100	100	100
Chiều dài dòng rò	mm	375	375	663	660	1013	1014
Phóng điện khô	kV	100	100	130	130	185	185
Phóng điện ướt	kV	70	70	100	100	150	150
Điện áp phóng điện xung	kV	140	140	150	150	190	190
Điện áp ảnh hưởng - Test	kV	10	10	20	20	30	30
Điện áp ảnh hưởng - Tại 1000kHz	µV	10	10	10	10	10	10
Tải trọng kéo	kN	100	120	100	120	100	120
Test xung sét (+)	kV	-	-	190	190	280	280
Test xung sét (-)	kV	-	-	190	190	280	280

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm được thiết kế và sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn: **TCVN, IEC, ANSI,.**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER
110kV, 220kV

MÔ TẢ CHUNG

Sứ chuỗi cách điện Polymer cao thế của Vina Electric được sản xuất trên dây chuyền ép phun tự động hiện đại, đảm bảo độ chính xác và tính đồng bộ cao. Sản phẩm đáp ứng trọn vẹn các yêu cầu kỹ thuật khắt khe trong truyền tải điện cao thế



ỨNG DỤNG

Sản phẩm được thiết kế chuyên dụng cho hệ thống đường dây truyền tải điện cao thế trên không với các cấp điện áp 110kV và 220kV. Giải pháp vận hành an toàn và tin cậy cao cho các khu vực:

- Các tuyến đường dây truyền tải điện cao thế liên tỉnh, liên vùng.
- Khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều mưa lớn.
- Vùng ven biển, hải đảo chịu ảnh hưởng trực tiếp của sương muối và mặn bám.
- Các khu vực ô nhiễm công nghiệp nặng, nhiều khói bụi và hóa chất.

ĐIỂM NỔI BẬT

HIỆU QUẢ CÁCH ĐIỆN:
Cách điện hiệu quả giữa dây dẫn và cấu kiện không mang điện (xà, cột). Thiết kế tăng chiều dài dòng rò giúp nâng cao khả năng chống phóng điện bề mặt,.

VẬN HÀNH THÔNG MINH:
Có khả năng tự làm sạch, hạn chế bám bụi và tạp chất,.

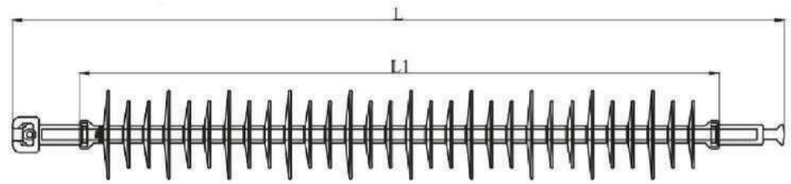
ĐỘ BỀN CAO:
Chịu được môi trường khắc nghiệt như vùng biển, sương muối, ô nhiễm công nghiệp và khí hậu nhiệt đới ẩm ướt. Vật liệu có khả năng chống rạn nứt, chống ăn mòn và kháng tia UV,.

THI CÔNG:
Trọng lượng nhẹ, gọn, giúp dễ dàng vận chuyển và thi công lắp đặt trên cao,.

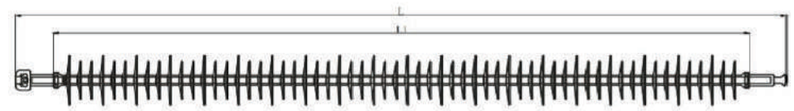
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



INSULATOR 110KV



INSULATOR 220KV

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	DN-110 120-1340	DN-110 120-1440	DN-220 120-1440	DN-220 120-1340
Điện áp định mức	kV	110	110	220	220
Tải trọng kéo	kN	120	120	120	120
Chiều dài tổng	H (mm)	1253	1286	2040	2073
Chiều dài cách điện	H (mm)	1007	1040	1994	2027
Chiều dài dòng rò	L (mm)	3220	3460	6440	6920
Đường kính lõi	mm	18	18	18	18
Điện áp xung sét	kV	555	550		
Điện áp chịu đựng (tần số công nghiệp)	kV	230	230		
Đường kính tán lớn	mm	145	145	145	145
Đường kính tán nhỏ	mm	110	110	110	110
Cân nặng	kg	4.6	4.65		

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **TCVN, IEC, ANSI,.**

Quy trình sản xuất và quản lý chất lượng đạt chuẩn: **ISO 9001:2015**

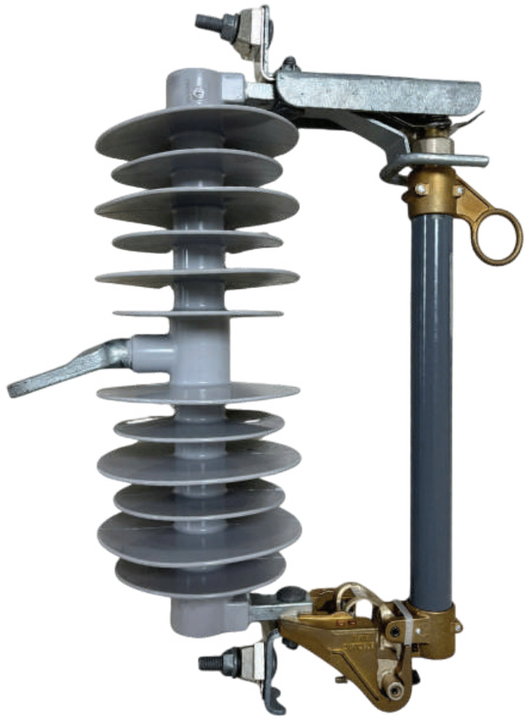
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU CHÌ TỰ RƠI (FCO) CÁCH ĐIỆN POLYMER

MÔ TẢ CHUNG

Cầu chì tự rơi (FCO) cách điện Polymer sử dụng vật liệu Polymer (Silicone) cao cấp ưu việt. Thiết bị hoạt động theo cơ chế tự động mở/rơi ống chì để ngắt mạch lập tức khi xảy ra sự cố trên hệ thống, giúp cô lập vùng sự cố nhanh chóng.



ỨNG DỤNG

Sản phẩm được thiết kế chuyên dụng cho hệ thống lưới điện trung thế ngoài trời và các trạm biến áp phân phối (cấp điện áp từ 12kV đến 40.5kV):

- **Trên đường dây truyền tải & Trạm biến áp:** Lắp đặt tại các điểm đầu nhánh rẽ hoặc đầu vào trạm biến áp phân phối.
- **Công tác vận hành & Bảo trì:** Tạo điểm cắt hở nhìn thấy được bằng mắt thường, giúp kỹ thuật viên dễ dàng thao tác đóng/ngắt và cô lập phân đoạn để phục vụ kiểm tra, sửa chữa an toàn.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức: 12kV, 24kV, 27kV, 33kV, 40.5kV,,.

Dòng điện định mức: 100A và 200A,.

Tần số định mức: 50Hz.

Khả năng cắt ngắn mạch: 12kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU CAO CẤP:
Sứ đỡ cách điện bằng Polymer (Silicone) có chiều dài dòng rò lớn, độ bền cao, phù hợp với môi trường nhiệt đới, bụi công nghiệp, miền biển và sương muối,.

TIẾP ĐIỂM TỐT:
Cụm tiếp điểm trên và dưới được làm bằng đồng kỹ thuật điện mạ bạc, đảm bảo dẫn điện tốt,.

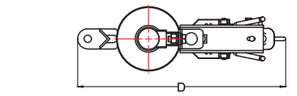
THIẾT KẾ TỐI ƯU:
Kết cấu dây chì hợp lý, dễ dàng tháo lắp và thay thế. Trọng lượng nhẹ giúp dễ dàng vận chuyển và thi công lắp đặt trên cao,.

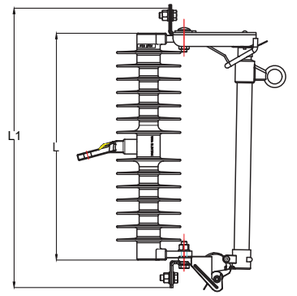
CHỐNG ĂN MÒN:
Các bộ phận kim loại (thép mạ kẽm nhúng nóng, thép không gỉ) được xử lý đặc biệt để chống xói mòn và rỉ sét,.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT





Điện áp	L	L1	D
27kV	409	507	375
38.5(40.5)kV	553	651	375

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	FCO (12kV)	FCO (27kV)	FCO (40.5kV)
Điện áp định mức	kV	12	27	40.5
Dòng điện định mức	A	100/200	100/200	100/200
Dòng cắt định mức	kA	8/10	8/10	8/10
Điện áp chịu xung sét định mức	kV	110	150	200
Độ bền tần số công nghiệp	kV	36	65	85
Chiều dài dòng rò	mm	360	780	1080
Định mức dòng cắt không đối xứng	KArms	12	12	12
Định mức dòng cắt đối xứng	KArms	8	8	8

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Tiêu chuẩn áp dụng: **Tuân thủ theo TCVN, IEC 282-2 và ANSI/IEEE 37.41 (hoặc ANSI/IEEE Std C37.41-2016 / IEEE Std C37.42-2016),.**

Đơn vị thử nghiệm: **Các mẫu thiết bị điển hình đã được thử nghiệm tại các phòng thí nghiệm của Tổng cục Đo lường Chất lượng: Quatest 1, Quatest 2, Quatest 3 và phòng thí nghiệm EGU HV LABORATORY**

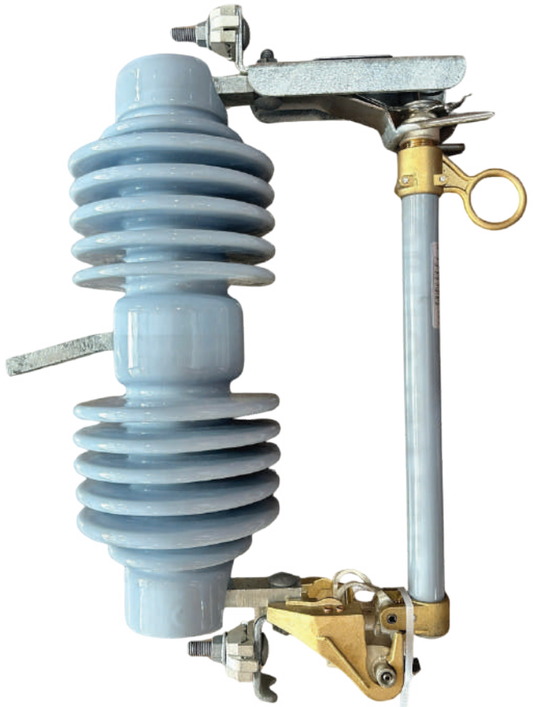
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU CHÌ TỰ RƠI CÁCH ĐIỆN GỐM

MÔ TẢ CHUNG

Cầu chì tự rơi (FCO) cách điện Gốm được thiết kế để lắp đặt ngoài trời cho lưới điện trung thế từ 12kV đến 40.5kV. Thiết bị có chức năng bảo vệ đường dây truyền tải và trạm biến áp phân phối khỏi các sự cố quá tải và ngắn mạch, đồng thời hỗ trợ ngắt kết nối thiết bị khi cần bảo trì. Sản phẩm được thiết kế phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế,.



MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức: 27kV, 38.5kV (hoặc 40.5kV).

Dòng điện định mức: 100A và 200A.

Tần số định mức: 50Hz.

Dòng cắt định mức: 12kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN:
Sứ đỡ cách điện bằng gốm có chiều dài dòng rò lớn, đảm bảo khả năng cách điện tốt,.

TIẾP ĐIỂM TỐT:
Cụm tiếp điểm trên và dưới được làm bằng đồng kỹ thuật điện, đảm bảo khả năng dẫn điện,.

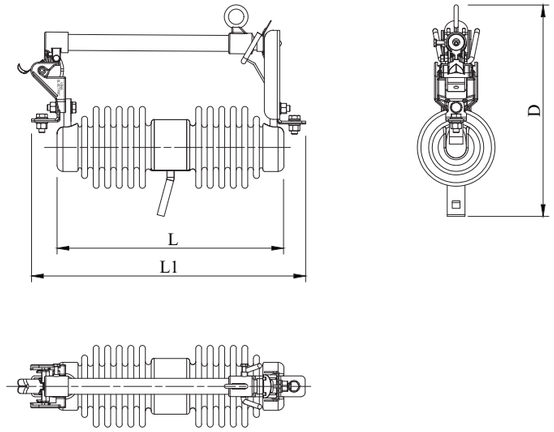
THIẾT KẾ :
Kết cấu dây chì hợp lý, dễ dàng tháo lắp và thay thế. Trọng lượng nhẹ, dễ vận chuyển và thi công,.

ĐỘ BỀN:
Phù hợp với môi trường nhiệt đới, bụi công nghiệp, miền biển và sương muối. Các bộ phận kim loại được xử lý chống xói mòn và rỉ sét,.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L	L1	D	CHÚ Ý
24 kV	375	467	360	
38.5 kV	574	666	360	Sai số các kích thước:±3%

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	FCO27kV	FCO38.5(40.5)kV
Điện áp định mức (kV)	27	38.5 (40.5)
Dòng điện định mức (A)	100/200	100/200
Dòng cắt định mức (kA)	12	12
Điện áp chịu xung sét định mức (kV)	150	200
Độ bền tần số công nghiệp (kV)	60	70
Định mức dòng cắt không đối xứng (Karms)	12	12
Định mức dòng cắt đối xứng (Karms)	8	8

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **TCVN, IEC 282-2, ANSI/IEEE 37.41 (hoặc IEEE Std C37.41-2016 / IEEE Std C37.42-2016),.**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU CHÌ TỰ CẮT CÓ TẢI CÁCH ĐIỆN POLYMER

MÔ TẢ CHUNG

Cầu chì tự rơi cắt có tải ngoài trời được thiết kế phù hợp với hệ thống lưới điện trung thế từ 12kV - 38.5(40.5)kV. Để bảo vệ đường dây truyền tải và Trạm biến áp phân phối chống quá tải và ngắn mạch, cũng như ngắt kết nối các thiết bị. Series LBFCO ngoài trời được phát triển dựa trên các điều kiện và ứng dụng phổ biến nhất.



ỨNG DỤNG

- **Mạng lưới:** Dùng cho lưới trung thế 12kV – 40.5kV, trạm biến áp và các nhánh rẽ.
- **Vận hành:** Đóng cắt trực tiếp khi có tải để bảo trì hoặc cô lập sự cố mà không gây mất điện diện rộng.
- **Môi trường:** Lắp đặt bền bỉ tại khu vực ô nhiễm, độ ẩm cao và sương muối.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức: 12kV, 27kV, 40.5kV,.

Dòng điện định mức: 100A và 200A.

Tần số định mức: 50Hz.

ĐIỂM NỔI BẬT:

TÍNH NĂNG CẮT CÓ TẢI:
Có bộ phận phân tán hồ quang giúp cắt trạm biến áp hoặc đường dây trong trạng thái có tải an toàn (khác biệt so với FCO thường),.

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN:
Sử dụng sứ đỡ Polymer (Silicone) có chiều dài dòng rò lớn, độ bền cao, chống rạn nút và lão hóa,.

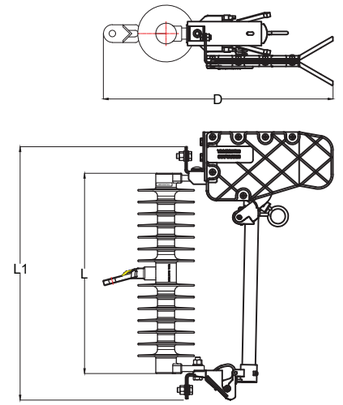
CHẤT LƯỢNG TIẾP ĐIỂM :
Cụm tiếp điểm trên và dưới làm bằng đồng kỹ thuật điện, đảm bảo dẫn điện tốt.

ĐỘ BỀN:
Các chi tiết kim loại được xử lý chống ăn mòn, phù hợp với môi trường bụi công nghiệp, miền biển, sương muối,.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L(mm)	L1(mm)	D(mm)
27kV	507	471	471
38.5(40.5)kV	553	651	471

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	LBFCO (12kV)	LBFCO (27kV)	LBFCO (40.5kV)
Điện áp định mức	kV	12	27	40.5
Dòng điện định mức	A	100/200	100/200	100/200
Dòng cắt định mức	kA	8/10	8/10	8/10
Điện áp chịu xung sét định mức	kV	110	150	200
Độ bền tần số công nghiệp	kV	36	65	85
Chiều dài dòng rò	mm	360	780	1085
Định mức dòng cắt không đối xứng	KArms	12	12	12
Định mức dòng cắt đối xứng	KArms	8	8	8

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **TCVN, IEC 282-2 và ANSI/IEEE 37.41 (hoặc IEEE Std C37.41-2016 / IEEE Std C37.42-2016)**

Đơn vị thử nghiệm: **Các mẫu thiết bị điển hình đã được thử nghiệm tại các phòng thí nghiệm của Tổng cục Đo lường Chất lượng: Quatest 1, Quatest 2, Quatest 3 và phòng thí nghiệm EGU HV LABORATORY**

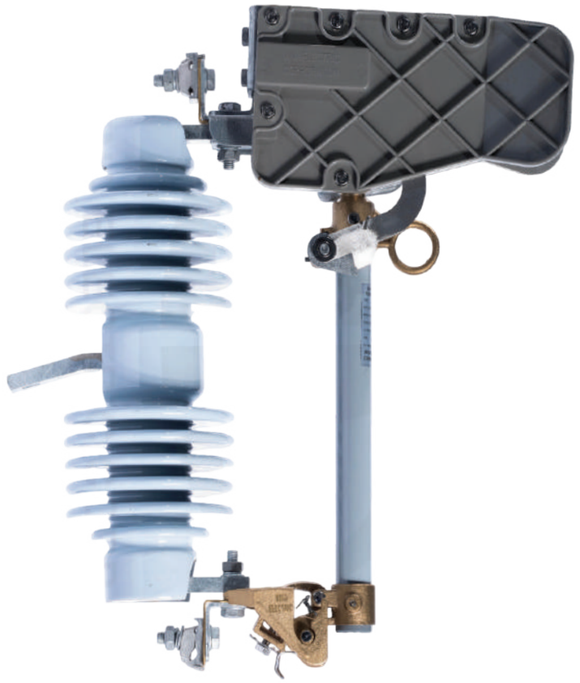
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU CHÌ TỰ RƠI CẮT CÓ TẢI CÁCH ĐIỆN GỐM

MÔ TẢ CHUNG

Cầu chì tự rơi cắt có tải (LBFCO) cách điện Gốm kết hợp độ bền cơ học cao của sứ gốm truyền thống với buồng dập hồ quang hiện đại. Thiết bị cho phép thực hiện thao tác ngắt kết nối an toàn ngay cả khi đường dây đang mang tải.



ỨNG DỤNG

- **Mạng lưới:** Sử dụng cho đường dây trung thế (12kV – 40.5kV), trạm biến áp phân phối và các vị trí nhánh rẽ.
- **Vận hành:** Cho phép đóng cắt chủ động có tải để bảo trì hoặc cô lập sự cố mà không cần cắt điện toàn tuyến.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức: 12kV, 27kV, 38.5kV (hoặc 40.5kV),.

Dòng điện định mức: 100A và 200A.

Dòng cắt định mức: 8kA, 10kA

ĐIỂM NỔI BẬT:

TÍNH NĂNG CẮT CÓ TẢI:
Có khả năng ngắt kết nối thiết bị hoặc đường dây trong trạng thái có tải nhờ buồng dập hồ quang, đảm bảo an toàn và linh hoạt trong vận hành.

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN:
Sứ đỡ cách điện bằng gốm tráng men có chiều dài dòng rò lớn, bền với môi trường.

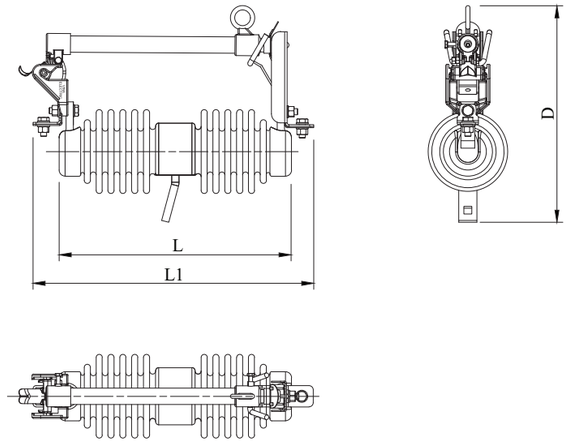
TIẾP ĐIỂM :
Cụm tiếp điểm trên và dưới làm bằng đồng kỹ thuật điện, dẫn điện tốt.

ĐỘ BỀN :
Vật liệu kim loại được xử lý chống ăn mòn, rỉ sét, phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới, sương muối và bụi công nghiệp,.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L	L1	D	CHÚ Ý
24 kV	375	467	475	
38.5 kV	574	666	475	Sai số các kích thước:±3%

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	LBFCO 27kV	LBFCO 38.5(40.5)kV
Điện áp định mức (kV)	27	38.5 (40.5)
Dòng điện định mức (A)	100/200	100/200
Dòng cắt định mức (kA)	12	12
Điện áp chịu đựng xung sét định mức (kV)	150	200
Độ bền tần số công nghiệp (kV)	60	70
Định mức dòng cắt không đối xứng (Karms)	12	12
Định mức dòng cắt đối xứng (Karms)	8	8

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **TCVN, IEC 282-2, ANSI/IEEE 37.41 (hoặc IEEE Std C37.41-2016 / IEEE Std C37.42-2016),.**

Đơn vị thử nghiệm: **Các mẫu thiết bị điển hình đã được thử nghiệm tại Quatest 1, Quatest 2, Quatest 3, phòng thí nghiệm EGU HV LABORATORY và Suzhou Electrical Apparatus Science Research Institute Co., Ltd,**

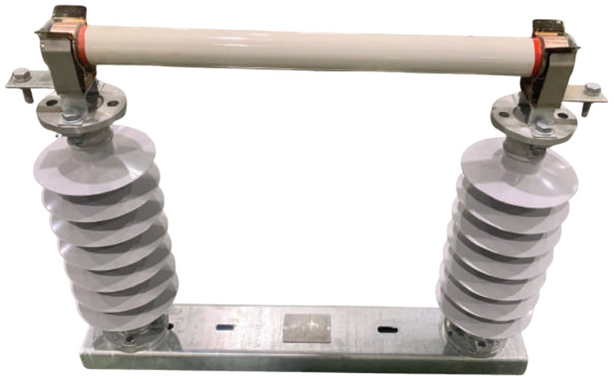
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU CHÌ ỐNG PK CÁCH ĐIỆN POLYMER
24, 40.5kV

MÔ TẢ CHUNG

Cầu chì ống PK cách điện Polymer gồm phần ống sứ cao cấp tương thích đế tiêu chuẩn, dùng dây chảy loại K (cắt nhanh). Phần cách điện đỡ Polymer giúp giảm nhẹ trọng lượng và tăng cường độ bền cơ học.



ỨNG DỤNG

- **Mạng lưới:** Dùng cho hệ thống trung thế (24kV – 35kV/40.5kV) để bảo vệ máy biến áp và đường dây khỏi sự cố quá dòng, ngắn mạch.
- **Vị trí:** Phù hợp lắp ngoài trời tại trạm treo, khu vực ô nhiễm/ven biển, hoặc tích hợp trong tủ RMU, trạm hợp bộ.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Mạng lưới: Dùng cho hệ thống trung thế (24kV – 35kV/40.5kV) để bảo vệ máy biến áp và đường dây khỏi sự cố quá dòng, ngắn mạch.

Vị trí: Phù hợp lắp ngoài trời tại trạm treo, khu vực ô nhiễm/ven biển, hoặc tích hợp trong tủ RMU, trạm hợp bộ.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU ƯU VIỆT:
Cách điện Polymer nhẹ, bền, chống nứt vỡ, chịu được điều kiện thời tiết khắc nghiệt (nhiễm mặn, ô nhiễm, nhiệt đới),.

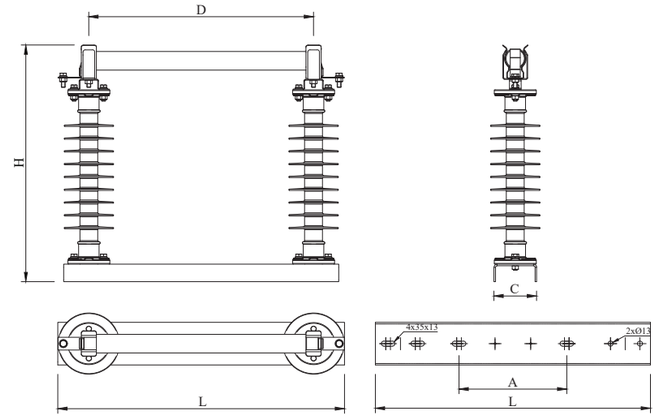
HIỆU SUẤT BẢO VỆ:
Sử dụng dây chì loại K cắt nhanh, bảo vệ tin cậy khi có sự cố.

LINH HOẠT :
Dễ lắp đặt, thay thế nhanh chóng; phù hợp nhiều cấp công suất máy biến áp từ.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L	D	H	C	A	CHÚ Ý
24 kV	595	475	507	80	250	Sai số các kích thước:±3%
38.5 kV	710	580	610	80	278	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	Biến thể 35kV	Biến thể 24kV
Điện áp định mức	kV	35	24
Dòng điện định mức	A	≥100	≥100
Điều kiện lắp đặt		Ngoài trời	Ngoài trời
Tần số định mức	Hz	50	50
Điện áp chịu đựng tần số công nghiệp (1 phút)	kV	≥ 70	≥ 70
Điện áp chịu đựng xung sét 1,2/50µs	kVrms	≥ 170	≥ 125
Chiều dài dòng rò bề mặt	mm/kV	≥ 25	≥ 25

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **TCVN 7999, IEC 60282 hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CĂNG ĐƯỜNG DÂY (CẦU DAO CÁCH LY CĂNG TRÊN DÂY)

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao căng đường dây là thiết bị cách ly trung thế 1 pha, lắp đặt trực tiếp trên dây dẫn ngoài trời. Thiết bị dùng cách điện Polymer (điện áp đến 40.5kV), giúp phân chia hoặc cô lập đoạn đường dây và tạo khoảng cách an toàn vận hành.

ỨNG DỤNG

Là giải pháp tối ưu cho các lưới điện nông thôn, đô thị hoặc khu công nghiệp, nơi cần sự linh hoạt và tiết kiệm không gian lắp đặt

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 24kV, 25.8kV, 40.5kV

Dòng điện định mức: Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A

Tần số công nghiệp: 50 Hz

Dòng ngắn mạch tức thời: 40 kA



ĐIỂM NỔI BẬT:

CHẤT LIỆU TIẾP ĐIỂM:
Tiếp điểm đóng cắt bằng đồng nguyên chất mạ thiếc (hoặc mạ bạc) giúp dẫn điện tốt.

CƠ CẤU KHÓA:
Trang bị khoá hãm tiếp điểm bằng thép không gỉ, chống trượt sau khi đóng

THIẾT KẾ :
Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ, dễ dàng vận chuyển

KHUNG VẬT LIỆU:
Thép mạ kẽm nhúng nóng hoặc thép không gỉ, phù hợp môi trường khắc nghiệt.

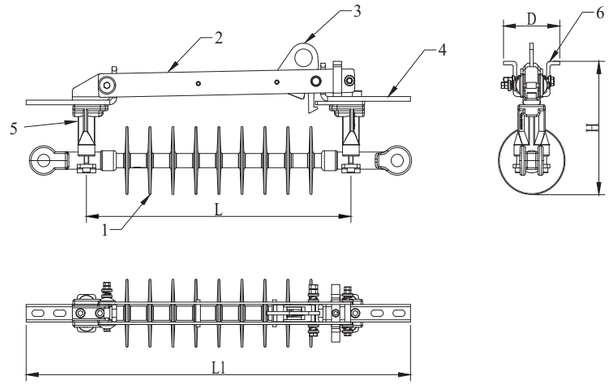
LẮP ĐẶT:
Dễ dàng lắp đặt và vận hành trên mọi địa hình

ĐỘ BỀN:
Lực căng lớn lên đến 120kN.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Các thông số kỹ thuật	Ký hiệu	ĐVT	VNEC 24 kV	VNEC 40.5 kV
Điện áp định mức	Ur	kV	24	40.5
Dòng điện định mức	Ir	A	630/800	630/800
Tần số công nghiệp	fr	Hz	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức	Ik	kA	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời	Ip	kA	40	40
Dòng ổn ngắn mạch định mức	Ima	kA[1]	10	10
Dòng cắt chậm đất định mức	I6a	A	56	30
Dòng đóng cắt MBA không tải		A	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải		A	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **IEC, TCVN, ANSI**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015**

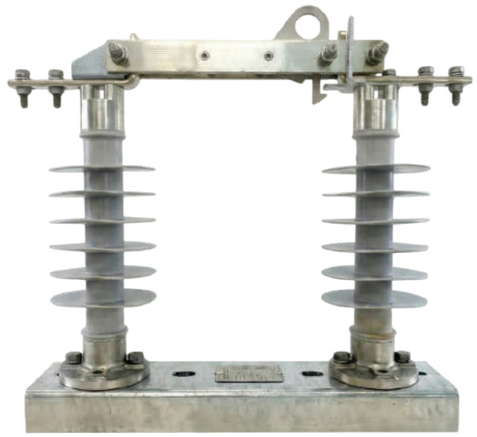
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY (DS) 1 PHA POLYMER

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly 1 pha sứ Polymer vận hành với điện áp lên đến 40.5kV. Thiết bị dùng để đóng cắt từng pha độc lập hoặc ứng dụng trong các trạm biến áp 1 pha.



ỨNG DỤNG

- **Vận hành:** Đóng cắt từng pha độc lập cho trạm biến áp 1 pha hoặc đường dây trung thế.
- **Vị trí:** Giải pháp tối ưu cho vùng nông thôn, khu vực miền núi có địa hình phức tạp hoặc những vị trí không thuận tiện lắp đặt cầu dao 3 pha liên động.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 12kV, 25.8kV, 40.5kV.

Tần số công nghiệp: 50 Hz.

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A.

Dòng ngắn mạch tức thời: 40 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

THIẾT KẾ TỐI ƯU:
Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ (do sử dụng sứ Polymer), dễ dàng vận chuyển và lắp đặt trên mọi địa hình.

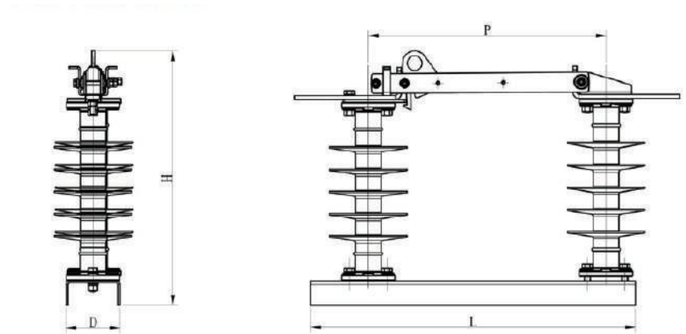
CHẤT LƯỢNG TIẾP ĐIỂM:
Tiếp điểm đóng cắt làm bằng đồng nguyên chất mạ thiếc, đảm bảo khả năng dẫn điện tốt.

LINH HOẠT :
Trang bị khóa hãm tiếp điểm bằng thép không gỉ, giúp chống trượt sau khi đóng.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L	P	H	D
24kV	497	370	516	80
40.5kV	550	483	604	80

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	DS-1-3	DS-2-3	DS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	12	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800	630/800	630/800
Tần số công nghiệp (fr)	Hz	50	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức (Ik)	kA	25	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời (Ip)	kA	40	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức (Ima)	kA	10	10	10
Dòng cắt chạm đất định mức (I6a)	A	56	56	30
Khả năng chịu dòng đỉnh định mức	kApeak	62.5	62.5	62.5
Dòng đóng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Tuân thủ các tiêu chuẩn: **IEC, TCVN, ANSI**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY (DS) 1 PHA SỨ GỐM

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly kiểu 2 trục xoay (Type DS) phiên bản sứ gốm dùng để đóng, cắt mạch điện ở trạng thái không tải cho lưới điện và trạm biến áp phân phối trung/cao thế (đến 40.5kV). Cơ cấu chém ngang kết hợp cách điện gốm đảm bảo độ bền cơ học cao và an toàn vận hành.



ỨNG DỤNG

- **Vận hành:** Cơ chế xoay hai trụ sứ tạo khoảng cách cách ly an toàn, dễ dàng quan sát bằng mắt thường khi thực hiện bảo trì, sửa chữa.
- **Lắp đặt:** Thiết kế linh hoạt cho cả ứng dụng trong nhà lẫn ngoài trời.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 12kV, 25.8kV, 40.5kV.

Tần số công nghiệp: 50 Hz.

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A.

Dòng ngắn mạch tức thời: 40 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

THIẾT KẾ:
Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ, dễ dàng lắp đặt và vận hành trên mọi địa hình.

CHẤT LIỆU TIẾP ĐIỂM:
Tiếp điểm đóng cắt bằng đồng nguyên chất mạ thiếc, đảm bảo khả năng dẫn điện tốt.

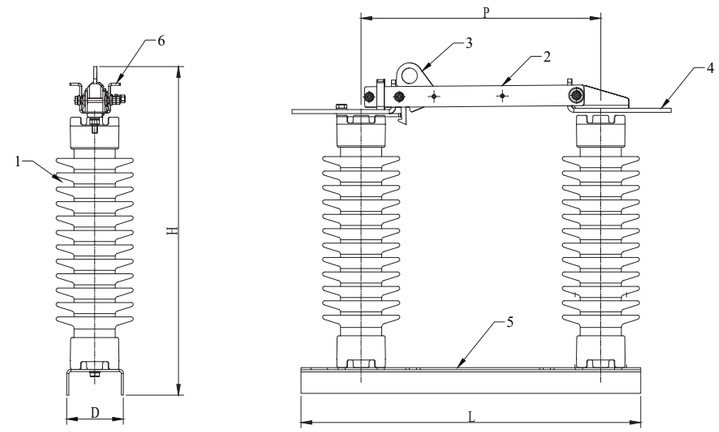
CƠ CẤU AN TOÀN :
Khóa hãm tiếp điểm được chế tạo bằng thép không gỉ, giúp chống trượt sau khi đóng.

ỨNG DỤNG LINH HOẠT :
Thích hợp cho các khu vực không thuận tiện lắp cầu dao 3 pha, cụm dân cư phân tán hoặc vùng nông thôn, miền núi.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	DS-1-3	DS-2-3	DS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	12	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800	630/800	630/800
Tần số công nghiệp	Hz	50	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức	kA	25	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời	kA	40	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức	kA	10	10	10
Dòng cắt chạm đất định mức	A	10	10	10
Khả năng chịu dòng đỉnh định mức	kApeak	56	56	30
Dòng đóng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **IEC, TCVN, ANSI**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015.**

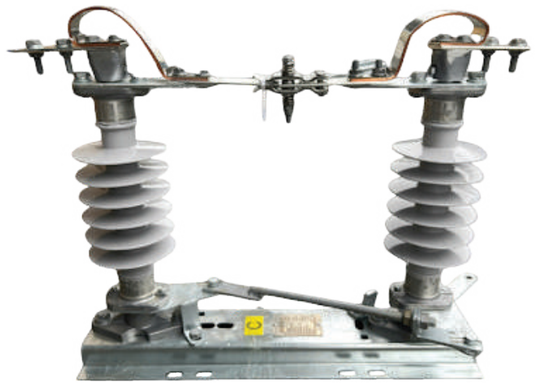
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY NGOÀI TRỜI
12/25.8/40.5kV - 630A/800A/1250A/2500A
CHÉM NGANG

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly kiểu 2 trục xoay (Type DS) phiên bản Polymer dùng để đóng, cắt mạch điện ở trạng thái không tải cho lưới điện và trạm biến áp phân phối trung, cao thế (đến 40.5kV). Thao tác đóng cắt theo phương ngang giúp vận hành nhẹ nhàng, an toàn ngoài trời và trong nhà.



ỨNG DỤNG

- **Mạng lưới:** Dùng cho đường dây trung/cao thế và trạm biến áp phân phối.
- **Vận hành:** Cơ chế xoay hai trụ sứ (chém ngang) tạo khoảng cách cách ly an toàn dễ quan sát bằng mắt thường khi bảo trì.
- **Vị trí:** Phù hợp nơi hạn chế chiều cao không gian hoặc yêu cầu độ ổn định cao trước gió bão.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 24kV (hoặc 25.8kV) và 38.5kV (tương thích lưới 40.5kV).

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A, 1250A, 2500A

Tần số công nghiệp: 50 Hz.

Dòng cắt ngắn mạch định mức: 25 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN ƯU VIỆT:
Sử dụng hệ thống sứ cách điện Polymer có chiều dài đường rò lớn, trọng lượng nhẹ, khả năng chống nước, chống bụi bẩn và va đập tốt hơn so với sứ gốm truyền thống.

CƠ CẤU CHUYỂN ĐỘNG:
Ổ bạc chuyển động xoay được đúc áp lực từ hợp kim nhôm ADC12, gia công CNC chính xác. Ưu điểm là không cần bảo dưỡng trong suốt vòng đời và không xảy ra tình trạng kẹt khi đóng cắt

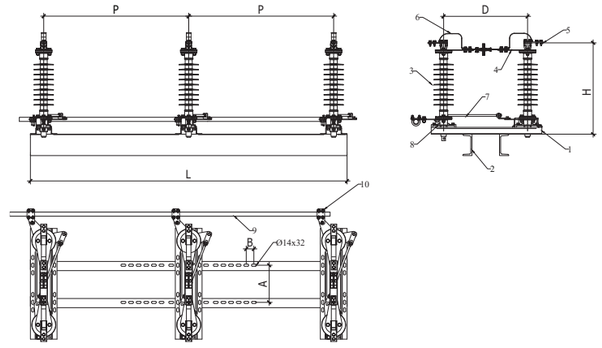
TIẾP ĐIỂM :
Bộ đóng ngắt tiếp điểm chính làm bằng đồng, được mạ thiếc hoặc mạ bạc để tăng khả năng dẫn điện và chống oxy hóa.

KHUNG BỆ BỀN BỈ :
Làm bằng tôn dày 4mm gia công CNC, mạ kẽm nhúng nóng để chống han gỉ trong điều kiện nhiệt đới.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L (mm)	H (mm)	P (mm)	D (mm)	D1 (mm)	Khoảng cách dòng rò (mm)
12kV	1600	500	700	400	220	300
24kV	1700	550	750	425	220	747
40.5kV	2000	600	900	480	243	1017

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	DS-2-3 (24kV)	DS-2-3 (24kV)	DS-2-3 (24kV)
Điện áp định mức (Ur)	kV	12	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800/1250/2500	630/800/1250/2500	630/800/1250/2500
Tần số công nghiệp(fr)	Hz	50	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức (Ik)	kA	25	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời (Ip)	kA	40	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức (Ima)	kA	10	10	10
Dòng cắt chạm đất định mức (I6a)	A	56	56	30
Khả năng chịu dòng đỉnh định mức	kApeak	62.5	62.5	62.5
Dòng đóng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm được sản xuất và kiểm soát chất lượng theo hệ thống quản lý: **ISO 9001:2015.**

Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật: **IEC, TCVN, ANSI**

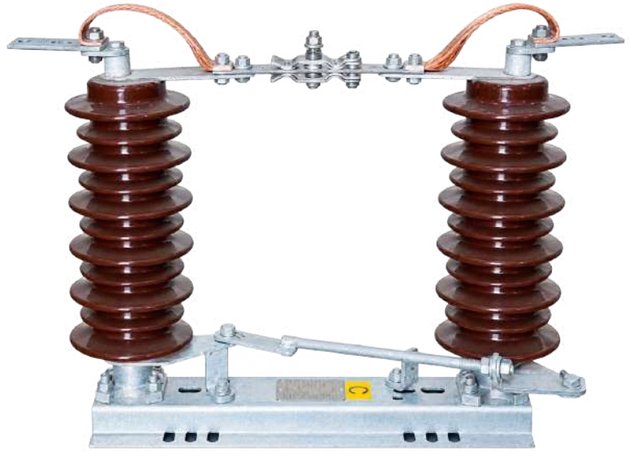
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY 3 PHA KIỂU 2 TRỤC XOAY CÁCH ĐIỆN GỐM

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly kiểu 2 trục xoay (Type DS) phiên bản sứ gốm dùng để đóng, cắt mạch điện ở trạng thái không tải cho lưới điện và trạm biến áp phân phối trung/cao thế (đến 40.5kV). Cơ cấu chém ngang kết hợp cách điện gốm đảm bảo độ bền cơ học cao và an toàn vận hành



ỨNG DỤNG

- Vận hành: Cơ chế xoay hai trụ sử tạo khoảng cách cách ly an toàn, dễ dàng quan sát bằng mắt thường khi thực hiện bảo trì, sửa chữa.
- Lắp đặt: Thiết kế linh hoạt cho cả ứng dụng trong nhà lẫn ngoài trời.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 24kV và 38.5kV (tương thích lưới 40.5kV).

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A, 1250A

Tần số công nghiệp: 50 Hz

Dòng cắt ngắn mạch định mức: 25 kA

ĐIỂM NỔI BẬT

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN

Sử dụng hệ thống sứ cách điện Gốm (Porcelain) có chiều dài đường rò lớn, chịu được điều kiện môi trường khắc nghiệt

CƠ CẤU CHUYỂN ĐỘNG

Ổ bạc chuyển động xoay được đúc áp lực từ vật liệu hợp kim nhôm ADC12, gia công trên công nghệ CNC. Ưu điểm là trong suốt vòng đời sản phẩm không cần bảo dưỡng và không xảy ra tình trạng kẹt khi đóng cắt

HỆ THỐNG TIẾP ĐIỂM

Bộ đóng ngắt tiếp điểm chính làm bằng đồng, được mạ thiếc hoặc mạ bạc để chống oxy hóa và tăng khả năng dẫn điện

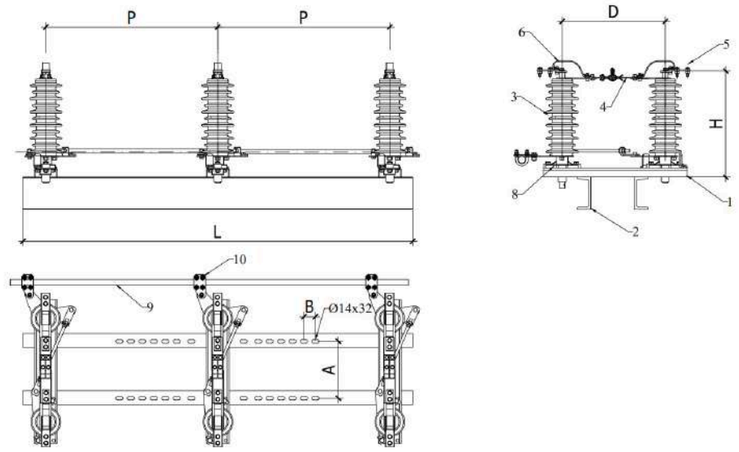
KHUNG BỆ

Làm bằng tôn dày 4mm gia công CNC, mạ kẽm nhúng nóng để chống han gỉ trong điều kiện nhiệt đới

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢN VẼ KĨ THUẬT



THÔNG SỐ KĨ THUẬT

Thông số	ĐVT	DS-2-3	DS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	24	38.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800/1250	630/800/1250
Tần số công nghiệp	Hz	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức	kA	25	25
Dòng phóng đỉnh (Khả năng chịu dòng đỉnh)	kApeak	62.5	62.5
Dòng đóng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

- Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN, IEC
- Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001:2015

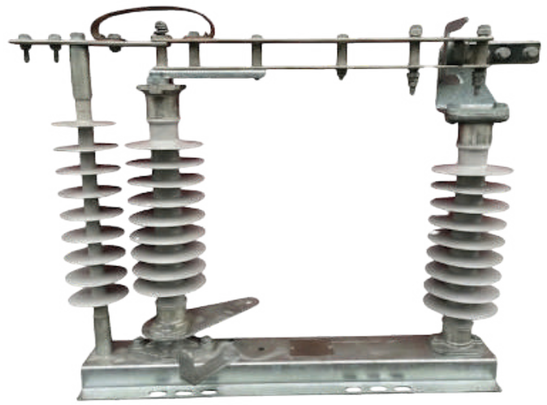
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY
CHÉM NGANG 3 SỨ (SỨ POLYMER)
25.8 / 40.5kV - 630A CHÉM NGANG

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly kiểu 2 trục xoay (Type DS) phiên bản sứ gốm dùng để đóng, cắt mạch điện ở trạng thái không tải cho lưới điện và trạm biến áp phân phối trung/cao thế (đến 40.5kV). Cơ cấu chém ngang kết hợp cách điện gốm đảm bảo độ bền cơ học cao và an toàn vận hành.



ỨNG DUNG

- **Vận hành:** Cơ chế xoay hai trụ sứ tạo khoảng cách cách ly an toàn, dễ dàng quan sát bằng mắt thường khi thực hiện bảo trì, sửa chữa.
- **Lắp đặt:** Thiết kế linh hoạt cho cả ứng dụng trong nhà lẫn ngoài trời.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 25.8kV, 40.5kV,.

Tần số công nghiệp: 50 Hz.

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A, 1250A, 2500A,.

Dòng cắt ngắn mạch định mức: 25 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN:
Sử dụng hệ thống sứ cách điện Silicone (Polymer) có chiều dài đường rò lớn, giúp giảm trọng lượng, chống va đập và vận hành tốt trong điều kiện ô nhiễm.

TIẾP ĐIỂM:
Bộ đóng ngắt tiếp điểm chính làm bằng đồng, được mạ thiếc hoặc mạ bạc để chống oxy hóa và tăng khả năng dẫn điện,.

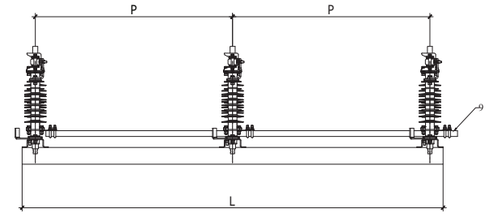
CƠ CẤU VẬN HÀNH:
Ổ bạc chuyển động xoay được đúc áp lực từ hợp kim nhôm ADC12, gia công CNC chính xác. Ưu điểm là không cần bảo dưỡng trong suốt vòng đời và không xảy ra tình trạng kẹt khi đóng cắt,.

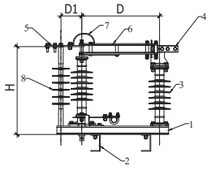
KHUNG BỆ:
Làm bằng tôn dày 4mm gia công CNC, mạ kẽm nhúng nóng để chống han gỉ trong môi trường nhiệt đới.

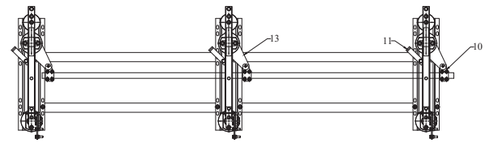
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT







Điện áp	L (mm)	P (mm)	H (mm)	D (mm)	D1 (mm)
25.8 kV	2517	1180	520	465	125
40.5 kV	2700	1270	616	546	125

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	DS-2-3	DS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800/1250/2500	630/800/1250/2500
Tần số công nghiệp	Hz	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức	kA	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời	kA	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức	kA	10	10
Dòng cắt chạm đất định mức	A	56	30
Khả năng chịu dòng đỉnh định mức	kApeak	62.5	62.5
Dòng đóng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **Tuân thủ IEC/TCVN)**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015.**

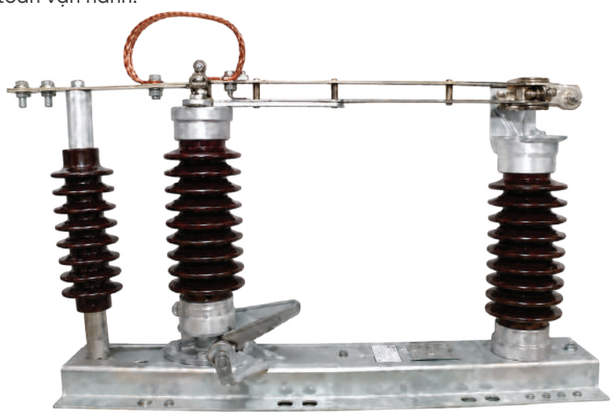
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY
CÁCH LY CHÉM NGANG 3 SỨ (SỨ GỐM)
25.8 / 40.5kV - 630A CHÉM NGANG

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly kiểu 2 trục xoay (Type DS) phiên bản sứ gốm dùng để đóng, cắt mạch điện ở trạng thái không tải cho lưới điện và trạm biến áp phân phối trung/cao thế (đến 40.5kV). Cơ cấu chém ngang kết hợp cách điện gốm đảm bảo độ bền cơ học cao và an toàn vận hành.



ỨNG DUNG

- **Vận hành:** Cơ chế xoay hai trụ sứ tạo khoảng cách cách ly an toàn, dễ dàng quan sát bằng mắt thường khi thực hiện bảo trì, sửa chữa.
- **Lắp đặt:** Thiết kế linh hoạt cho cả ứng dụng trong nhà lẫn ngoài trời.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 12kV, 25.8kV (dùng cho lưới 24kV), 40.5kV.

Tần số công nghiệp: 50 Hz.

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A, 1250A, 2500A.

Dòng cắt ngắn mạch định mức: 25 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN:
Sử dụng sứ cách điện Gốm (Porcelain) có chiều dài đường rò lớn, giúp chống rò rỉ dòng điện hiệu quả.

HỆ THỐNG TIẾP ĐIỂM:
Bộ tiếp điểm chính làm bằng đồng, được mạ bạc hoặc mạ thiếc để tăng khả năng dẫn điện và độ bền.

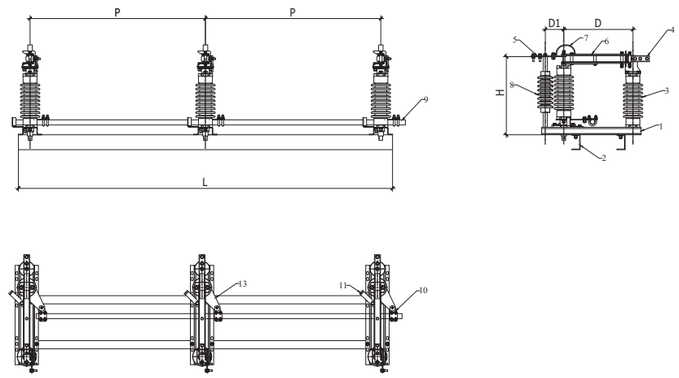
CƠ CẤU VẬN HÀNH:
Ổ bạc chuyển động xoay được đúc áp lực từ hợp kim nhôm ADC12, gia công CNC chính xác. Ưu điểm là vận hành trơn tru, không xảy ra tình trạng kẹt và không cần bảo dưỡng trong suốt vòng đời sản phẩm.

KHUNG BỆ:
Làm bằng tôn dày 4mm gia công CNC, mạ kẽm nhúng nóng giúp chống han gỉ, phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L (mm)	P (mm)	H (mm)	D (mm)	D1 (mm)
25.8 kV	2517	1180	520	465	125
40.5 kV	2700	1270	616	546	125

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	DS-1-3	DS-2-3	DS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	12	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800/1250/2500	630/800/1250/2500	630/800/1250/2500
Tần số công nghiệp	Hz	50	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức	kA	25	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời	kA	40	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức	kA	10	10	10
Dòng cắt chạm đất định mức	A	56	56	30
Khả năng chịu dòng đỉnh định mức	kApeak	62.5	62.5	62.5
Dòng đóng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn: **Sản phẩm được thiết kế và chế tạo tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật điện (thông tin chung cho nhóm thiết bị đóng cắt của Vina Electric).**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015.**

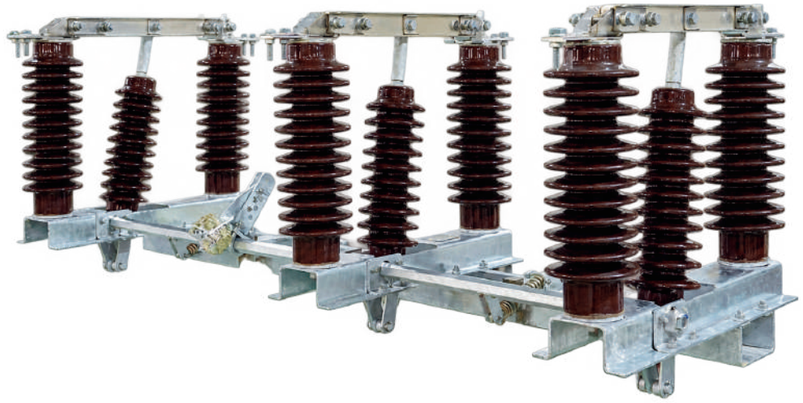
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY CHÉM ĐỨNG 24, 40.5kV SỨ CÁCH ĐIỆN GỐM

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly chém dùng cách điện gốm là thiết bị đóng cắt không tải dùng để cô lập phân mạch điện cần bảo trì, đảm bảo an toàn cho vận hành hệ thống điện trung áp ngoài trời.



ỨNG DỤNG

Phù hợp cho lưới điện 22kV và trạm biến áp treo, thiết kế kiểu chém đứng giúp thao tác rõ ràng, dễ quan sát trạng thái đóng/mở bằng mắt thường

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 12kV, 25.8kV (tương thích lưới 24kV), 40.5kV.

Tần số công nghiệp: 50 Hz

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A, 1250A

Dòng cắt ngắn mạch định mức: 25 kA

ĐIỂM NỔI BẬT

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN

Sử dụng sứ cách điện gốm (Porcelain) có chiều dài đường rò lớn, đảm bảo độ bền cách điện cao trong môi trường khắc nghiệt

HỆ THỐNG TIẾP ĐIỂM

Tiếp điểm làm bằng đồng mạ thiếc, giúp chống oxy hóa và tăng khả năng dẫn điện

KHUNG BỆ

Khung thép mạ kẽm nhúng nóng, được gia công bằng công nghệ CNC, chống han gỉ hiệu quả trong môi trường nhiệt đới

THIẾT KẾ TỐI ƯU

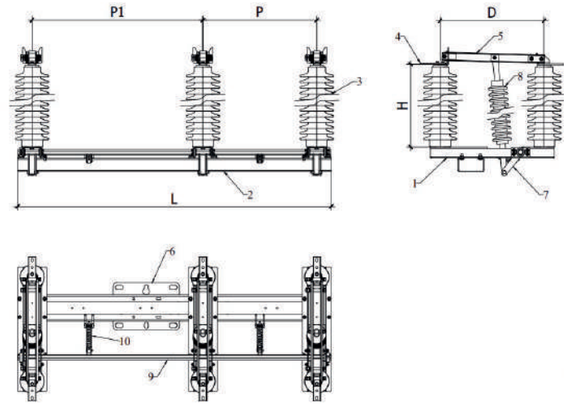
Cấu trúc chém đứng phù hợp cho việc lắp đặt gọn gàng trên cột và dễ dàng kết hợp với các thiết bị bảo vệ khác

Unit: mm

Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢN VẼ KĨ THUẬT



THÔNG SỐ KĨ THUẬT

Thông số	ĐVT	DS-2-3	DS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	25.8	38.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800/1250	630/800/1250
Tần số công nghiệp	Hz	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức	kA	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời	kA	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức	kA	10	10
Dòng cắt chạm đất định mức	A	56	30
Khả năng chịu dòng đỉnh định mức	kAPeak	62.5	62.5
Dòng dòng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

- Sản phẩm được nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001:2015.
- Các tiêu chuẩn quốc tế áp dụng chung cho sản phẩm của Vina Electric: IEC, KEMA, Intertek

Unit: mm

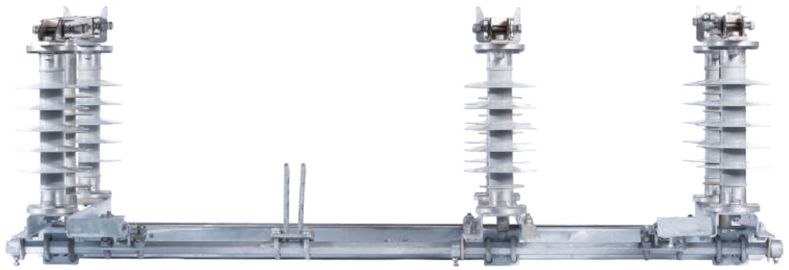
Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO CÁCH LY NGOÀI TRỜI
12/25.8/40.5kV - 630A/800A/1250A/2500A
CHÉM ĐỨNG

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao cách ly loại DS dùng để đóng cắt ở trạng thái không tải cho lưới điện, trạm điện phân phối trung và cao thế.



ỨNG DỤNG

Được thiết kế và chế tạo để hoạt động với điện áp tối đa lên đến 40.5kV trong môi trường trong nhà và ngoài trời. Thao tác, chuyển đổi tiếp điểm theo chiều dọc giúp tiết kiệm diện tích và linh hoạt trong việc lắp đặt, đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 12kV, 25.8kV (thường dùng cho lưới 24kV), 40.5kV.

Tần số công nghiệp (fr): 50 Hz.

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A, 1250A.

Dòng cắt ngắn mạch định mức (Ik): 25 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN:
Sử dụng sứ cách điện Polymer có chiều dài đường rò lớn, đảm bảo độ bền cách điện cao, chống rạn nứt và giảm trọng lượng đáng kể giúp dễ vận chuyển, lắp đặt.

HỆ THỐNG TIẾP ĐIỂM:
Tiếp điểm làm bằng đồng mạ thiếc (hoặc mạ bạc), giúp chống oxy hóa và tăng khả năng dẫn điện,.

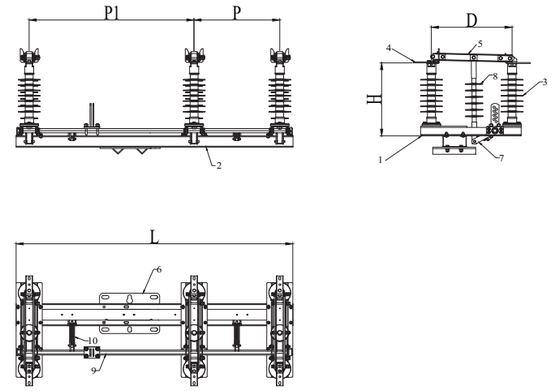
KHUNG BỆ:
Khung thép được mạ kẽm nhúng nóng và gia công bằng công nghệ CNC, mang lại khả năng chống han gỉ hiệu quả trong môi trường nhiệt đới,.

THIẾT KẾ:
Kiểu chém đứng giúp thao tác đóng cắt rõ ràng, dễ dàng quan sát trạng thái đóng/mở bằng mắt thường và linh hoạt khi kết hợp với các thiết bị khác như cầu chì tự rơi (FCO) hoặc cầu chì ống PK.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



Điện áp	L (mm)	P (mm)	P1 (mm)	H (mm)	D (mm)
24 kV	1620	500	960	420	520
40.5 kV	1660	600	900	510	580

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	DS-2-3	DS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630/800/1250	630/800/1250
Tần số công nghiệp (fr)	Hz	50	50
Dòng cắt ngắn mạch định mức (Ik)	kA	25	25
Dòng ngắn mạch tức thời (Ip)	kA	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức (Ima)	kA	10	10
Dòng cắt chạm đất định mức (I6a)	A	56	30
Khả năng chịu dòng đỉnh định mức	kApeak	62.5	62.5
Dòng đóng cắt MBA không tải	A	2.5	2.5
Dòng đóng cắt đường dây không tải	A	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015.**

Tiêu chuẩn áp dụng: **Sản phẩm được thiết kế và chế tạo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như IEC, KEMA, Intertek và tiêu chuẩn TCVN**

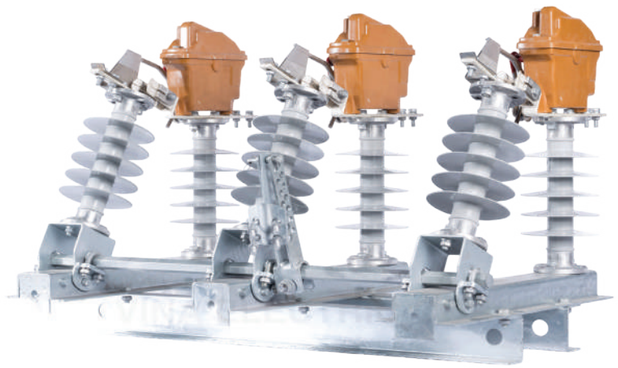
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO PHỤ TẢI NGOÀI TRỜI CHÉM ĐỨNG

MÔ TẢ CHUNG

Cầu dao phụ tải ngoài trời được thiết kế để đóng cắt vận hành theo phương đứng trên lưới điện trung thế, dùng làm cầu dao phân đoạn trên đường dây và đóng cắt ly hợp cho các trạm biến áp, thuận tiện cho việc sửa chữa thay thế và vận hành các thiết bị và đã được chứng minh là rất hiệu quả, độ tin cậy và an toàn khi vận hành trên lưới điện. Buồng dập hồ quang được đúc bằng vật liệu chịu lực phù hợp với thời tiết ngoài trời.



ỨNG DỤNG

- Các hệ thống phân phối thứ cấp.
- Các trạm máy biến áp phân phối MV/LV.
- Các khu công nghiệp.
- Các trung tâm mua sắm.
- Các khu vực dân cư.
- Các nhà máy điện nhỏ
- Các nhà máy thủy điện.
- Nhà máy phong điện.
- Công nghiệp sản xuất.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 12kV, 25.8kV (tương thích lưới 24kV), 40.5kV.

Tần số công nghiệp (fr): 50 Hz.

Dòng điện định mức (Ir): 630A.

Dòng cắt ngắn mạch tức thời: 40 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

THIẾT KẾ TỐI ƯU:
Dạng đứng giúp tối ưu không gian lắp đặt và dễ thao tác.

HỆ THỐNG DẬP HỒ QUANG:
Buồng dập hồ quang bằng vật liệu chịu lực, chứa khoảng 0.5 lít dầu silicone Diala S4, vận hành ổn định ngoài trời,.

TIẾP ĐIỂM CHẤT LƯỢNG:
Tiếp điểm chính làm từ đồng nguyên chất, mạ bạc, dẫn điện tốt và chống mài mòn.

KHUNG VỎ BỀN BỈ:
Khung thép SS400 gia công CNC, mạ kẽm nhúng nóng chống ăn mòn.

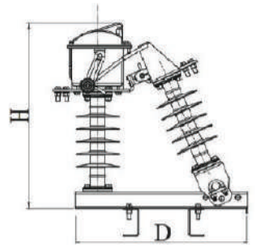
AN TOÀN:
Các điểm tiếp xúc có thể kiểm tra trực quan bằng mắt thường, đảm bảo độ an toàn cao.

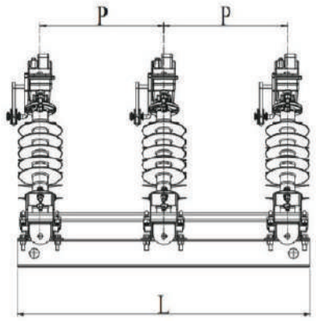
AN TOÀN:
Các điểm tiếp xúc có thể kiểm tra trực quan bằng mắt thường, đảm bảo an toàn cao cho người vận hành.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT





Điện áp	L	H	P	D	Khoảng cách dòng rò (Đơn vị: mm)
25.8 kV	1050	665	250	560	300
40.5 kV	1060	670	450	625	747
40.5 kV	1260	760	550	680	1018

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	LBS-1-3	LBS-2-3	LBS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	12	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630	630	630
Tần số công nghiệp (fr)	Hz	50	50	50
Dòng cắt mạch định mức trong 1s (Ik)	kA	16/20/25	16/20/25	16/20/25
Dòng ngắn mạch tức thời (Ip)	kA	40	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức (Ima)	kA	10	10	10
Dòng cắt tải tác dụng (I1)	A	630	630	630
Dòng cắt tải mạch vòng (I2a)	A	630	630	630
Dòng cắt tải điện cảm (MBA không tải)	A	16	16	16
Dòng cắt tải điện dụng (cáp không tải)	A	10	10	10
Số lần cắt ở tải 630A	Lần	10	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Hệ thống quản lý chất lượng: **Sản xuất và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015**

Tiêu chuẩn áp dụng: **TCVN, IEC, ANSI.**

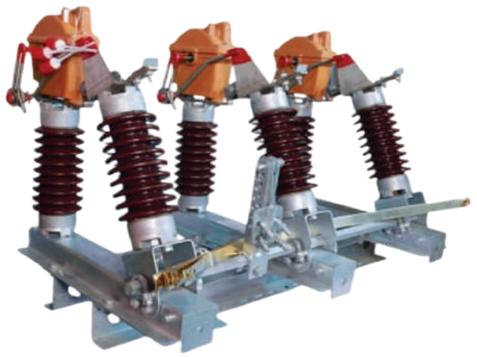
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CẦU DAO PHỤ TẢI CHÉM ĐỨNG NGOÀI TRỜI SỨ GỐM

MÔ TẢ CHUNG

Sản phẩm sử dụng sứ cách điện gốm có độ bền cơ học cao, chịu thời tiết tốt. Buồng dập hồ quang sử dụng dầu silicone Diala S4 giúp vận hành ổn định ngoài trời, bảo vệ tiếp điểm và kéo dài tuổi thọ thiết bị.



ỨNG DỤNG

Cầu dao phụ tải (LBS) chém đứng - Gốm được thiết kế để đóng cắt mạch điện có tải theo phương thẳng đứng trên lưới điện trung thế. Thiết bị thường được lắp đặt làm cầu dao phân đoạn trên đường dây hoặc cách ly đầu vào cho các trạm biến áp, giúp khoanh vùng sự cố hoặc cô lập thiết bị để phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa một cách thuận tiện và an toàn cho hệ thống,.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 12kV, 25.8kV (tương thích lưới 24kV), 40.5kV.

Dòng điện định mức (Ir): 630A.

Tần số công nghiệp (fr): 50 Hz.

Dòng cắt ngắn mạch tức thời (Ip): 40 kA.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN:
Sử dụng sứ gốm hiện đại, có độ bền cao, chịu được thời tiết khắc nghiệt.

HỆ THỐNG DẬP HỒ QUANG:
Buồng dập hồ quang làm bằng vật liệu chịu lực, chứa khoảng 0.5 lít dầu silicone Diala S4, đảm bảo vận hành ổn định ngoài trời,.

THIẾT KẾ:
Dạng đứng giúp tối ưu hóa không gian lắp đặt và thuận tiện cho thao tác.

TIẾP ĐIỂM:
Tiếp điểm chính làm từ đồng nguyên chất, mạ bạc, giúp dẫn điện tốt và chống mài mòn.

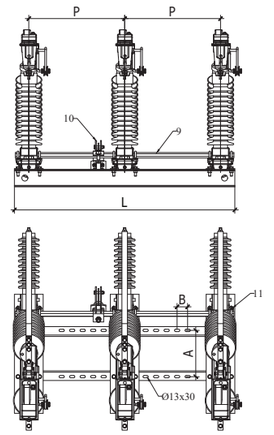
AN TOÀN:
Các điểm tiếp xúc có thể kiểm tra trực quan bằng mắt thường, đảm bảo an toàn cao cho người vận hành.

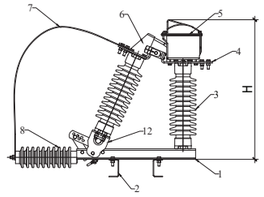
KHUNG VỎ:
Khung thép SS400 được gia công CNC và mạ kẽm nhúng nóng để chống ăn mòn.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT





THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	LBS-1-3	LBS-2-3	LBS-3-3
Điện áp định mức (Ur)	kV	12	25.8	40.5
Dòng điện định mức (Ir)	A	630	630	630
Tần số công nghiệp (fr)	Hz	50	50	50
Dòng cắt mạch định mức trong 1s (Ik)	kA	16/20/25	16/20/25	16/20/25
Dòng ngắn mạch tức thời (Ip)	kA	40	40	40
Dòng tạo ngắn mạch định mức (Ima)	kA	10	10	10
Dòng cắt tải tác dụng (I1)	A	630	630	630
Dòng cắt tải mạch vòng (I2a)	A	630	630	630
Dòng cắt tải điện cảm (MBA không tải)	A	16	16	16
Dòng cắt tải điện dụng (cáp không tải)	A	10	10	10
Số lần cắt ở tải 630A	Lần	10	10	10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Hệ thống quản lý chất lượng: **Sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2015**

Tiêu chuẩn áp dụng: **Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN, IEC, ANSI.**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

AUTO RECLOSER

MÔ TẢ CHUNG

Thiết bị được chế tạo theo công nghệ đúc toàn khối với vật liệu cách điện rắn Epoxy (Solid Dielectric) có khả năng chống ẩm và bụi bẩn vượt trội. Sản phẩm sử dụng cơ cấu truyền động từ tính (magnetic actuator) kết hợp với buồng dập hồ quang chân không, đảm bảo vận hành chính xác, tin cậy và không cần bảo dưỡng định kỳ,.



ỨNG DỤNG

Auto Recloser là thiết bị đóng cắt thông minh được lắp đặt trên lưới phân phối trung thế (24kV - 38.5kV). Chức năng chính của thiết bị là tự động phát hiện và ngắt mạch khi có sự cố, sau đó tự động đóng lại để khôi phục cấp điện nếu đó là sự cố thoáng qua (như cành cây quẹt vào dây). Thiết bị được ứng dụng rộng rãi tại các nhánh rẽ, trạm biến áp phân phối, khu dân cư và khu công nghiệp để giảm thiểu thời gian mất điện và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện,.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức (Ur): 15kV, 27kV (dùng cho lưới 24kV), 38kV (dùng cho lưới 35kV/38.5kV),.

Dòng điện định mức (Ir): 630A, 800A,.

Dòng cắt ngắn mạch định mức: 16 kA.

Tần số định mức: 50/60 Hz.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VỎ CÁCH ĐIỆN:

Vỏ cách điện Epoxy đúc nguyên khối chống thấm, chống bụi và ăn mòn, phù hợp môi trường nhiệt đới,.

TÍCH HỢP ĐO LƯỜNG:

Tích hợp sẵn 6 cảm biến điện áp (CVT) và 3 biến dòng (CT) giúp đo lường chi tiết dòng, áp, công suất và hỗ trợ các chức năng bảo vệ nâng cao,.

CƠ CẤU VẬN HÀNH:

Sử dụng bộ truyền động từ tính (1 cuộn dây hoặc 2 cuộn dây) giúp đóng cắt nhanh, độ bền cơ khí cao (lên đến 20.000 chu kỳ) và không cần tra mỡ bảo dưỡng,.

TRỌNG LƯỢNG NHẸ:

Tổng trọng lượng từ 90kg đến 134kg, thuận tiện cho việc lắp đặt trên cột,.

AN TOÀN:

Trang bị cần thao tác cơ khí để ngắt/khóa thiết bị ngay tại thân máy, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người vận hành khi bảo trì,.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	ĐVT	15kV	27kV	38kV
Điện áp định mức	kV	15	27	38
Dòng điện định mức	A	630/800	630/800	630/800
Tần số định mức	Hz	50/60	50/60	50/60
Dòng cắt ngắn mạch định mức	kA	16	16	16
Dòng chịu đựng ngắn hạn (3s)	kA	16	16	16
Dòng đóng ngắn mạch định mức	kA	40 (50Hz) 41.6 (60Hz)	40 (50Hz) 41.6 (60Hz)	40 (50Hz) 41.6 (60Hz)
Chịu xung sét định mức (BIL)	kV	110	150	170
Độ bền điện áp tần số công nghiệp (khô/ướt)	kV	50	60	70
Phương pháp dập hồ quang		Chân không	Chân không	Chân không
Cơ cấu truyền động		Từ động	Từ động	Từ động
Môi trường cách điện		Epoxy (Rắn)	Epoxy (Rắn)	Epoxy (Rắn)
Tuổi thọ cơ khí	Chu kỳ	20.000	20.000	20.000
Khối lượng	Kg	90	110	116*

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế: **IEC, ANSI và tiêu chuẩn Việt Nam TCVN,.**

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015.**

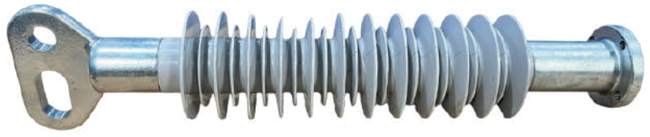
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

XÀ ĐỠ CÁCH ĐIỆN POLYMER

MÔ TẢ CHUNG

Xà đỡ cách điện Polymer được thiết kế nhằm thay thế các tổ hợp vật liệu xà đỡ truyền thống như xà thép, chuỗi sứ cách điện, sứ đứng cùng các phụ kiện đi kèm. Việc tích hợp nhiều chức năng trong một sản phẩm không chỉ góp phần đơn giản hóa kết cấu mà còn nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống điện và góp phần chỉnh trang đô thị



ỨNG DỤNG

Xà đỡ cách điện Polymer là thiết bị chuyên dụng trong hệ thống truyền tải điện và các trạm biến áp trung thế. So với phương pháp truyền thống, xà đỡ cách điện Polymer cho thấy hiệu quả vượt trội trong cả thi công, lắp đặt và vận hành. Thực tế triển khai cho thấy thời gian lắp đặt có thể giảm tới 60%, nhu cầu nhân công giảm khoảng 45%, đồng thời thời gian cắt điện phục vụ thi công cũng được rút ngắn khoảng 50%. Với thiết kế trọng lượng nhẹ, sản phẩm thuận tiện trong quá trình vận chuyển và lắp đặt trên cao, góp phần nâng cao hiệu suất thi công và bảo đảm an toàn lao động

MỨC ĐIỆN ÁP,DÒNG, TẦN SỐ

Điện áp định mức: 24kV và 38.5kV (tương thích lưới 40.5kV)

Tần số công nghiệp: 50/60 Hz

ĐIỂM NỔI BẬT

HIỆU QUẢ KINH TẾ

Thay thế hoàn toàn bộ sứ cách điện đứng + xà thép + chuỗi đỡ, giúp giảm chi phí đóng gói, vận chuyển và lắp đặt do trọng lượng nhẹ (khoảng 30kg - 40kg cho cả bộ)

ĐỘ BỀN CAO

Lõi làm từ sợi thủy tinh chịu lực cao (ECR). Vật liệu Silicone kháng tia cực tím (UV), chống ăn mòn, chống nấm mốc, khó cháy và có khả năng tự làm sạch bề mặt

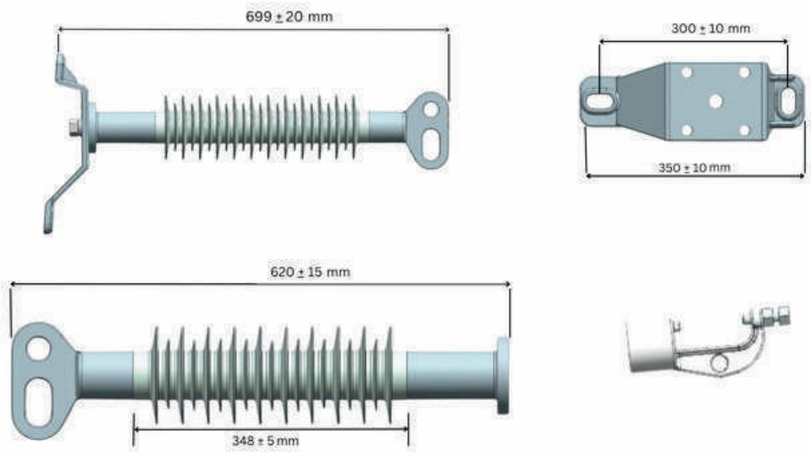
ỨNG DỤNG LINH HOẠT

Phù hợp với môi trường khắc nghiệt như vùng biển nhiễm mặn, khu vực ô nhiễm công nghiệp nặng và khí hậu nhiệt đới

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
Thông số kỹ thuật	ĐVT	Loại 24kV	Loại 40.5kV (38.5kV)
Điện áp định mức	kV	24	38.5
Chiều dài xà đỡ cách điện	mm	1404	1674
Chiều dài dòng rò	mm	920	1210
Tần số công nghiệp	Hz	50/60	50/60
Độ bền tần số công nghiệp khô	kV	130	185
Xung điện áp tiêu chuẩn	kV	200	280

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Tuân thủ các tiêu chuẩn: TVCN, IEC, ANSI

Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001:2015

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

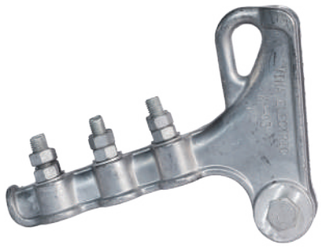
PHỤ KIỆN KHÓA ĐỠ, KHÓA NÉO, VẬT LIỆU HỢP KIM NHÔM 12/24/40.5/110/220/500kV

MÔ TẢ CHUNG

Phụ kiện khóa đỡ, khóa néo cáp được sử dụng trên các đường dây điện từ 12kV đến 500kV, có chức năng cố định, đỡ và neo giữ dây dẫn trong hệ thống truyền tải và phân phối điện.

Sản phẩm được chế tạo từ hợp kim nhôm ADC12 bằng công nghệ đúc áp lực hiện đại, kết hợp với các chi tiết liên kết như bulong, ê-cu và guzong bằng thép cường độ cao. Thiết kế sản phẩm phù hợp với nhiều chủng loại dây dẫn khác nhau, đáp ứng yêu cầu lắp đặt trên đường dây trung thế, cao thế và siêu cao thế.







ỨNG DỤNG

- Đường dây phân phối và truyền tải điện từ 12kV đến 500kV.
- Lưới điện trung thế, cao thế và siêu cao thế ngoài trời.
- Đường dây sử dụng dây dẫn trần hoặc dây dẫn bọc cách điện.
- Khu vực ven biển, khu công nghiệp và môi trường có tính ăn mòn cao.
- Các công trình điện yêu cầu độ tin cậy vận hành và tuổi thọ lâu dài.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU HỢP KIM NHÔM ADC12:

- Đúc áp lực cho kết cấu đặc chắc.
- Độ bền cơ học và khả năng chịu lực kéo cao.
- Không bị rỗ khí trong quá trình sản xuất.

THIẾT KẾ BẢO VỆ DÂY DẪN :

- Phù hợp với nhiều loại dây dẫn.
- Hạn chế làm tổn thương bề mặt dây cáp.
- Giảm nguy cơ ăn mòn điện hóa.

KHẢ NĂNG CHỐNG ĂN MÒN CAO:

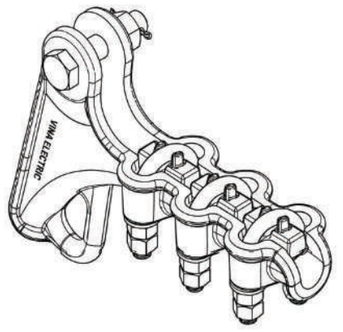
- Không bị han gỉ trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.
- Phù hợp với khu vực ven biển và môi trường ô nhiễm.

HỆ THỐNG LIÊN KẾT CHẤT LƯỢNG CAO:

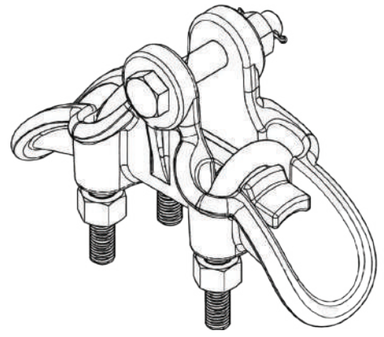
- Bulong, ê-cu, guzong thép S45C cấp bền 8.8.
- Phủ hợp kim nhôm – kẽm công nghệ cao.
- Đạt thử nghiệm phun muối liên tục 500 giờ. ô nhiễm.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT

Phụ kiện khóa néo



Phụ kiện khóa đỡ



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Kích thước cáp	Model	Kích thước cáp
Khoá néo 2U	50 - 95mm	Khóa đỡ VN-03	50-150mm
Khoá néo 3U	50 - 150mm	Khóa đỡ VN-04	50-240mm
Khoá néo 4U	150 - 240mm		
Khoá néo 5U	185 - 300mm		

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

PHỤ KIỆN KHÓA ĐỠ, KHÓA NÉO VẬT LIỆU THÉP 12/24/40.5/110/220/500kV

MÔ TẢ CHUNG

Phụ kiện khóa đỡ, khóa néo cáp được sử dụng trên đường dây điện từ 12kV đến 500kV, có chức năng cố định, đỡ và neo giữ dây dẫn trong hệ thống truyền tải và phân phối điện.

Sản phẩm được chế tạo từ thép SS400 và S45C trên dây chuyền gia công CNC, đáp ứng yêu cầu cơ khí đối với các công trình điện ngoài trời. Các chi tiết liên kết được xử lý bề mặt bằng công nghệ mạ hợp kim nhôm – kẽm giúp tăng khả năng chống ăn mòn và nâng cao tuổi thọ sản phẩm.





ỨNG DỤNG

- Đường dây phân phối và truyền tải điện từ 12kV đến 500kV.
- Khu vực có môi trường ăn mòn cao như ven biển, khu công nghiệp và vùng có độ ẩm lớn.
- Các vị trí néo dây, chuyển hướng tuyến hoặc đỡ dây trên cột điện.
- Đường dây trung thế, cao thế và siêu cao thế ngoài trời.
- Đường dây sử dụng dây dẫn trần hoặc dây bọc cách điện.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

ĐIỂM NỔI BẬT:

KẾT CẤU CƠ KHÍ CHẮC CHẮN:

- Chế tạo từ thép SS400 và S45C.
- Độ bền cơ học cao, chịu lực kéo lớn.
- Gia công CNC đảm bảo độ chính xác.

KHẢ NĂNG CHỐNG ĂN MÒN CAO:

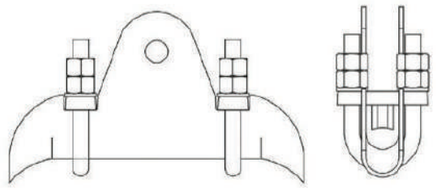
- Lớp phủ hợp kim nhôm – kẽm độ bền cao.
- Phù hợp với môi trường ven biển và khu vực ô nhiễm.
- Đạt thử nghiệm phun muối liên tục 500 giờ

HỆ THỐNG LIÊN KẾT CHẤT LƯỢNG CAO:

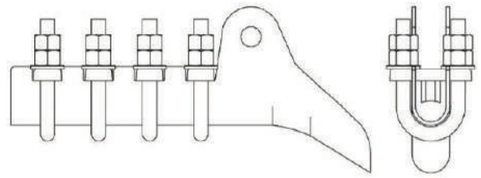
- Bulong, ê-cu, guzong cấp bền 8.8.
- Vận hành ổn định trong thời gian dài.
- Đáp ứng tiêu chuẩn RoHS về môi trường.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT

Phụ kiện khóa néo



Phụ kiện khóa đỡ



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Kích thước cáp	Model	Kích thước
Khóa néo 2U(KN10-2)	50 - 95mm	Khóa đỡ	50-150mm
Khóa néo 3U(KN10-3)	50 - 150mm	Khóa đỡ	150-240mm
Khóa néo 4U(KN12-4)	150 - 240mm		
Khóa néo 4U	185 - 300mm		

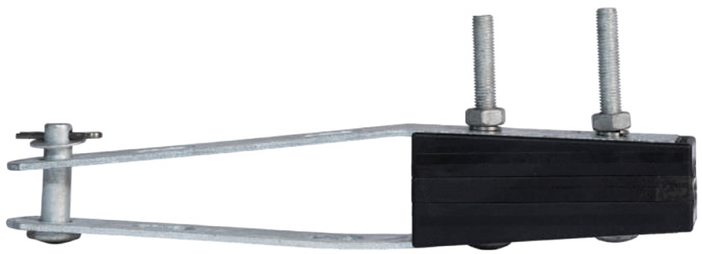
Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

KẸP SIẾT CÁP VẶN XOẮN

MÔ TẢ CHUNG

Kẹp siết là phụ kiện không thể thiếu trong thi công lưới điện hạ thế sử dụng dây cáp vặn xoắn (ABC). Thiết bị thường được sử dụng tại các điểm đầu và cuối của tuyến cáp hoặc tại các vị trí cần thay đổi hướng kéo dây. Chức năng chính là chịu lực kéo ngang của cáp và định vị chắc chắn tuyến cáp trên cột điện,.



ỨNG DỤNG

Kẹp siết (kẹp ngừng cáp vặn xoắn) được sử dụng để cố định, hãm dừng cáp ABC hạ thế tại các điểm đầu, cuối tuyến hoặc tại các vị trí góc, chịu lực căng của toàn bộ khoảng cột,.

MỨC ĐIỆN ÁP, DÒNG, TẦN SỐ

Mức điện áp: Hạ thế (Sử dụng cho lưới điện hạ thế, cáp vặn xoắn ABC 0.6/1kV),.
Dòng điện: Phụ thuộc vào tiết diện dây dẫn.

ĐIỂM NỔI BẬT:

CHẤT LIỆU BỀN BỈ:
Được chế tạo từ thép cường độ cao, bề mặt được mạ kẽm nhúng nóng giúp chống ăn mòn hiệu quả, chịu được điều kiện môi trường khắc nghiệt,.

THIẾT KẾ TỐI ƯU:
Cấu trúc đơn giản, giúp dễ dàng lắp đặt và thuận tiện cho việc thi công trên cao,.

HIỆU QUẢ CHI PHÍ:
Chi phí hợp lý, phù hợp với ngân sách của các dự án điện hạ thế (nông thôn, khu dân cư, đô thị),.

AN TOÀN:
Đảm bảo cố định chắc chắn tuyến cáp, tăng độ an toàn cho hệ thống lưới điện trên không,.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Kích thước cáp phù hợp (mm2)
KH-01	4C×(16-150)
KH-02	4C×(50-240)

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%
Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

GHÍP BỌC NỐI

MÔ TẢ CHUNG

Ghíp nối giữa cáp chính là cáp trần hoặc cáp bọc (đồng hoặc nhôm). Ghíp nối giữa các cáp nhánh là cáp bọc cách điện (đồng hoặc nhôm). Vật liệu: Ống nhôm chịu lực cao được bọc cách điện bên ngoài. Độ bền điện môi và chống thấm nước: 6kV/1 phút.



ỨNG DỤNG

Dùng để nối cáp LV ABC hoặc cáp bọc cách điện hạ thế. Phạm vi sử dụng: Cáp LV ABC hoặc cáp bọc tiết diện từ 10-185 mm². Vật liệu cách điện của Ghíp nối loại nhựa nguyên sinh có thể chịu được tác động của thời tiết, tia cực tím và lão hóa.

ĐIỂM NỔI BẬT:

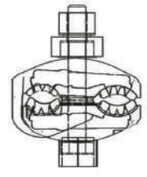
VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN BỀN BỈ:
Vỏ làm từ nhựa nguyên sinh PA6 có gia cường thành phần sợi thủy tinh, chịu được tác động của thời tiết, tia cực tím (UV) và lão hóa, .

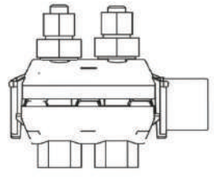
TIẾP XÚC TỐT:
Các răng tiếp xúc với ruột dẫn được làm bằng hợp kim đồng mạ thiếc, giúp chống oxy hóa và tăng khả năng dẫn điện.

AN TOÀN VÀ CHỐNG THẤM:
Độ bền điện môi và chống thấm nước đạt 6kV/phút. Sản phẩm phù hợp với môi trường trong nhà, ngoài trời, chịu được khói bụi công nghiệp, .

LINH HOẠT:
Kết nối được giữa các vật liệu dây dẫn khác nhau (đồng - nhôm, nhôm - nhôm).

BẢNG VẼ KỸ THUẬT





THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại	Dây chính (mm2)	Dây rẽ nhánh (mm2)	Bulong
GN1 BL	25-120	25-120	1 x M8
GN2 BL	25 - 150	25-120	2 x M10

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn: **IEC 61284, AS/NZS 4396, NF C 33-020 .**
Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015.**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%
Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

GIÁP NÍU

MÔ TẢ CHUNG

Dây giáp níu (dây định hình néo dây, hay giáp níu căng dây) dùng cho dây cáp trần hay cáp bọc, của lưới điện trên không.



ỨNG DỤNG

- Dùng để căng dây, néo và dừng dây cáp điện bằng nhôm (lõi thép) có bọc cách điện PVC, XLPE.
- Mang lại độ tin cậy an toàn cho lưới điện và hiệu quả kinh tế có thể nói là tốt hơn bu lông hay kẹp căng kiểu thủy lực.

ĐIỂM NỔI BẬT:

VẬT LIỆU:

Được sản xuất từ hợp kim nhôm đặc biệt (theo mục ưu điểm) hoặc sợi thép mạ kẽm nhúng nóng (theo mô tả cấu tạo), có cấu trúc xoắn và tạo hình căng chính xác,.

HIỆU SUẤT:

Tính bám níu tăng theo thời gian sử dụng, đảm bảo an toàn cho dây dẫn.

KINH TẾ:

Mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với các phương pháp căng néo truyền thống (như bu lông hay kẹp căng thủy lực) và có thể tái sử dụng nhiều lần.

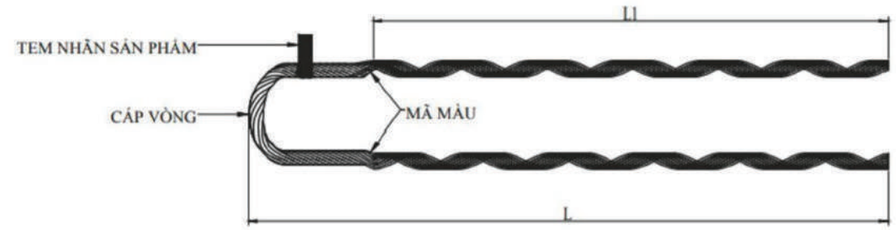
THI CÔNG:

Dễ dàng thi công trên cao, thuận tiện cho công tác lắp đặt và bảo trì.

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

BẢNG VẼ KỸ THUẬT



THÔNG SỐ KỸ THUẬT							
STT	Ký hiệu	Đường kính cáp (mm)	Số sợi	Số bước xoắn	L (mm)	L (mm)	Lực kéo tiêu chuẩn (kN)
1	VN-GN50	20.10 ÷ 23.50	8	05÷06	1.100	940	17.6
2	VN-GN70	22.27 ÷ 25.55	8	05÷06	1.180	990	20.6
3	VN-GN95	24.06 ÷ 27.50	8	05÷06	1.180	1000	28.5
4	VN-GN120	26.15 ÷ 28.85	8	05÷06	1.240	1050	35.5
5	VN-GN150	27.61 ÷ 30.70	8	05÷06	1.300	1060	41.5
6	VN-GN185	30.81 ÷ 33.70	8	05÷06	1.350	1090	51.4
7	VN-GN240	34.87 ÷ 37.53	8	05÷06	1.390	1120	63.8
8	VN-GN300	36.60 ÷ 39.73	8	05÷06	1.485	1150	75

BÁO CÁO TEST & CHỨNG NHẬN

Hệ thống quản lý chất lượng: **ISO 9001:2015.**

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.

CÁC PHỤ KIỆN KHÁC



DÂY CHÌ



MÓC ỐP CỘT



MÓC NỐI KÉP



MÓC TREO CHỮ U



BẢN TREO VUÔNG GÓC
BT7, BT12



BẢN TREO VUÔNG GÓC
KÉP 12



MẮT NỐI LẮP RÁP



GUZONG



MẮT NỐI ĐƠN

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.



KHÁNH ĐƠN TÂM LỖ 240H70,
240H100, 400H70, 400H100



MẮT NỐI TRUNG GIAN
TG7, TG10, TG12



VÒNG TREO ĐẦU TRÒN



MẮT NỐI ĐIỀU CHỈNH 7, 12



ĐẦU CỐT ĐỒNG

Unit: mm Note: Product dimensions may vary ±3%

Note: Because we have a policy of continuous product improvement, we reserve the right to change design and specifications without notice.